

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Phương Thanh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, KINH DOANH,
KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ ANH CƯỜNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Phương Thanh

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Phương Thanh

Mã SV: 1212402001

Lớp: QT1602K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát được những lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường trong tháng 11 năm 2015.
 - Đánh giá được những ưu nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu tháng 11 năm 2015 tại đơn vị thực tập.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.
 - Địa điểm: Thôn Thanh Lãng, xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

+ Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.

+ Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.

+ Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Bùi Phương Thanh** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ: Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh khai thác và dịch vụ Anh Cường: Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh khai thác và dịch vụ Anh Cường. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2015). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh khai thác và dịch vụ Anh Cường. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số biện pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1.1. Doanh thu	2
1.1.1.2. Chi phí.....	4
1.1.1.3. Kết quả kinh doanh	5
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	6
1.2.1. Kế toán doanh thu	6
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	8
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	10
1.2.4. Kế toán chi phí quản lí kinh doanh	14
1.2.6. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.....	18
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.	20
1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ...	21
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.	22
1.3.2. Hình thức kế toán Chứng Từ - Ghi Sổ.....	23
1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái.....	23
1.3.4. Hình thức kế toán máy vi tính.....	24
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, KINH DOANH, KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ ANH CƯỜNG	25
2.1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp	25
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp.....	25
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp.....	26
2.1.3. Cơ cấu tổ chức.....	26

2.1.4, Tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	27
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	27
2.1.4.2. Chế độ và chính sách kế toán:.....	28
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.....	30
2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	30
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	30
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.....	41
2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	48
2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính.....	53
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.....	56
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ ANH CƯỜNG	60
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.....	60
3.1.1. Ưu điểm.....	60
3.1.2. Hạn chế.....	61
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh cường.....	61
3.2.1. Áp dụng kế toán quản trị nhằm xác định kết quả bán hàng cho từng mặt hàng.....	61
Cách xác định kết quả bán hàng cho từng mặt hàng.....	62
3.2.2. Công tác ghi chép sổ sách kế toán.....	65
3.2.3. Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng.....	67
KẾT LUẬN	74
TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

LỜI MỞ ĐẦU

Hòa chung xu thế phát triển về mọi mặt, nền kinh tế nước ta đang không ngừng vươn lên để khẳng định vị trí của mình. Một công cụ không thể thiếu được để quyết định sự phát triển đó là công tác hạch toán kế toán.

Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kế tài chính không những có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát hoạt động kinh tế mà còn vô cùng quan trọng đối với hoạt động của doanh nghiệp. Công tác hạch toán kế toán vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật, nó phát huy tác dụng như một công cụ sắc bén, có hiệu lực phục vụ yêu cầu quản lý kinh doanh trong điều kiện kinh tế như hiện nay.

Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường là công ty Cổ phần chuyên kinh doanh kim loại và quặng kim loại.

Do đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng đối với công ty. Nhận thức được tầm quan trọng đó mà trong thời gian thực tập ở công ty em đã quyết định lựa chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường***” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

- ❖ Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- ❖ Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.
- ❖ Chương 3: Một số biện pháp nhằm nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1.1. Doanh thu

a, Khái niệm

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán hoặc sẽ thu được, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

b, Các loại doanh thu

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả những khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

➤ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương thức trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt...

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do việc khách hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi nhận trên hóa đơn kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng hóa

Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, ...

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (đem bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

Thuế xuất khẩu: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu phải nộp thuế này.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là thuế đánh vào những mặt hàng hóa, dịch vụ mà không phục vụ thiết yếu cho đời sống người dân lao động, Nhà nước không khuyến khích sản xuất, tiêu dùng như rượu, bia, thuốc lá,...

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

❖ **Doanh thu thuần:** Là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp nhà nước đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là số tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; các khoản thu khác...

1.1.1.2. Chi phí

a, Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức chi tiền ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

b, Các loại chi phí

❖ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí quản lý kinh doanh:** là khoản chi phí phục vụ cho các hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí bán hàng là khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí hành chính và chi phí chung của cả doanh nghiệp.

❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; khoản trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

❖ **Chi phí khác:** Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy nộp thuế; các khoản chi phí khác.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

1.1.1.3. Kết quả kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng của DN đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của DN bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản xuất} \\ \text{KD} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần từ} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản lí} \\ \text{kinh doanh} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần từ bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch} \\ \text{vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động tài} \\ \text{chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả KD} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động SXKD} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array}$$

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.
- Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ kinh doanh nhằm xác định và phân phối KQKD.
- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu

a, Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho; Phiếu thu; Giấy báo có của ngân hàng; Các chứng từ khác có liên quan

b, Tài khoản sử dụng:

❖ **TK 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu bán hàng bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kì. • Số thuế TTĐB, thuế XK phải nộp, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp. • Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	TK 511	<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kì kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

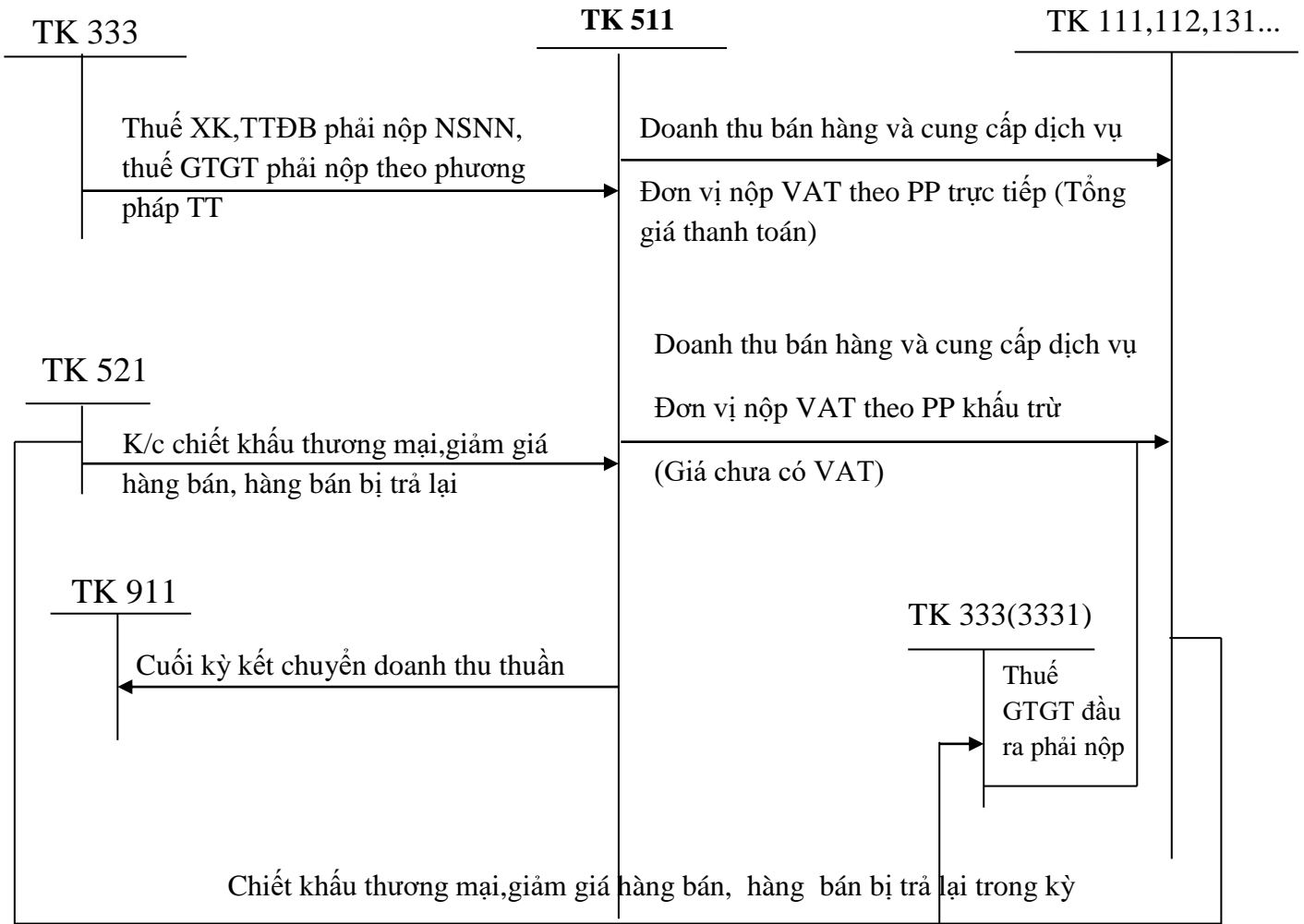
Tài khoản 511 không có số dư cuối kì.

TK 511 có 4 tiểu khoản cấp 2:

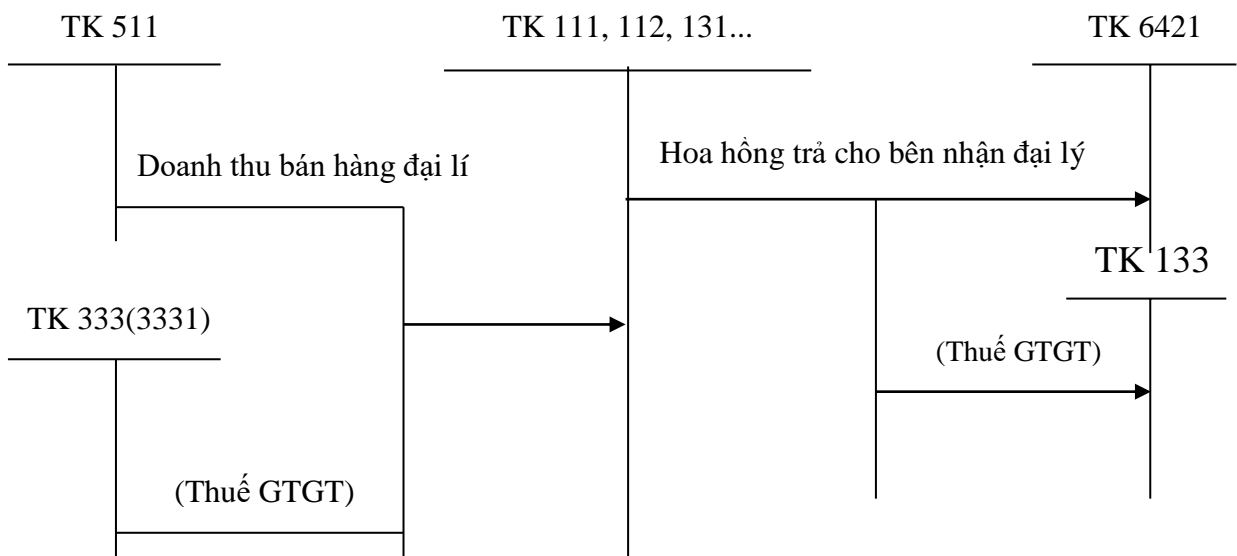
- TK 5111 : Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118 : Doanh thu khác

Phương pháp hạch toán

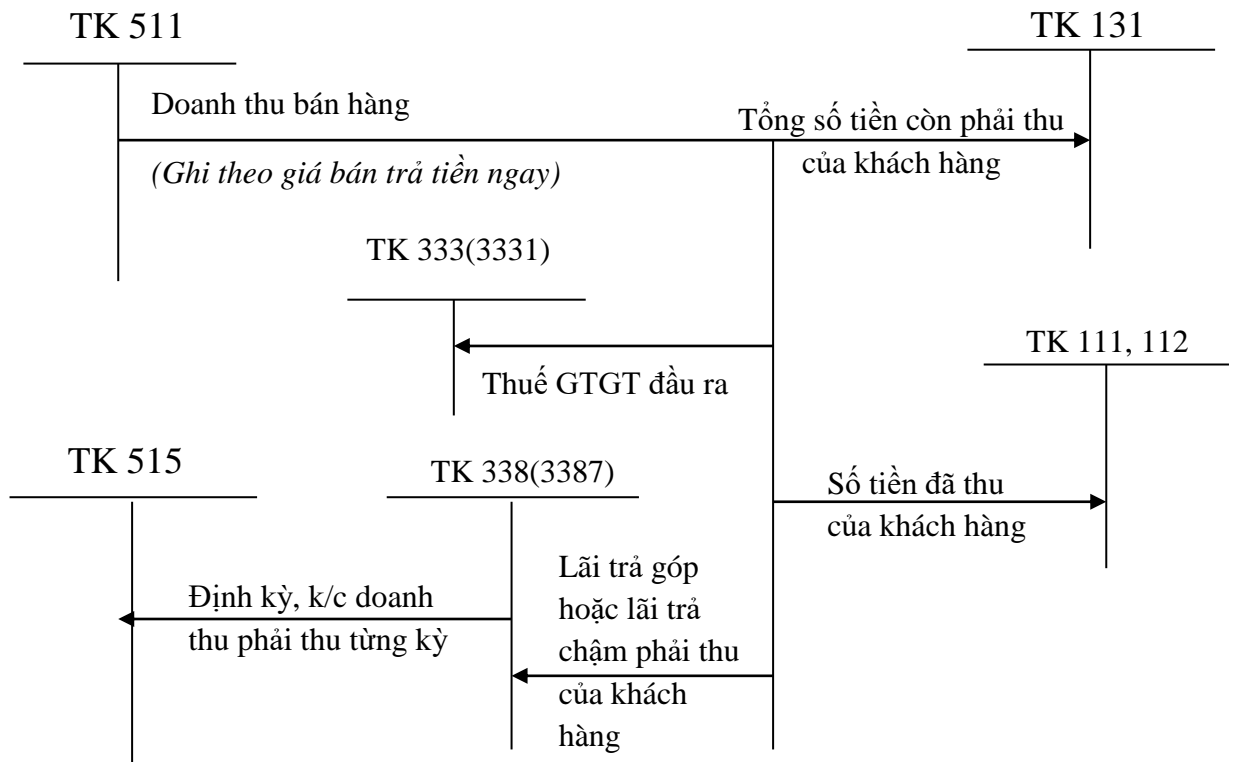
Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý (Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.3: Kế toán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a, Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn GTGT.
- Chứng từ khác có liên quan.

b, Tài khoản sử dụng:

❖ Tài khoản 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

TK 521 được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

- TK5211: Chiết khấu thương mại
- TK5212: Hàng bán bị trả lại
- TK5213: Giảm giá hàng bán

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư

Tài khoản 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, bao gồm:

- Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu
- Tài khoản 3331: Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

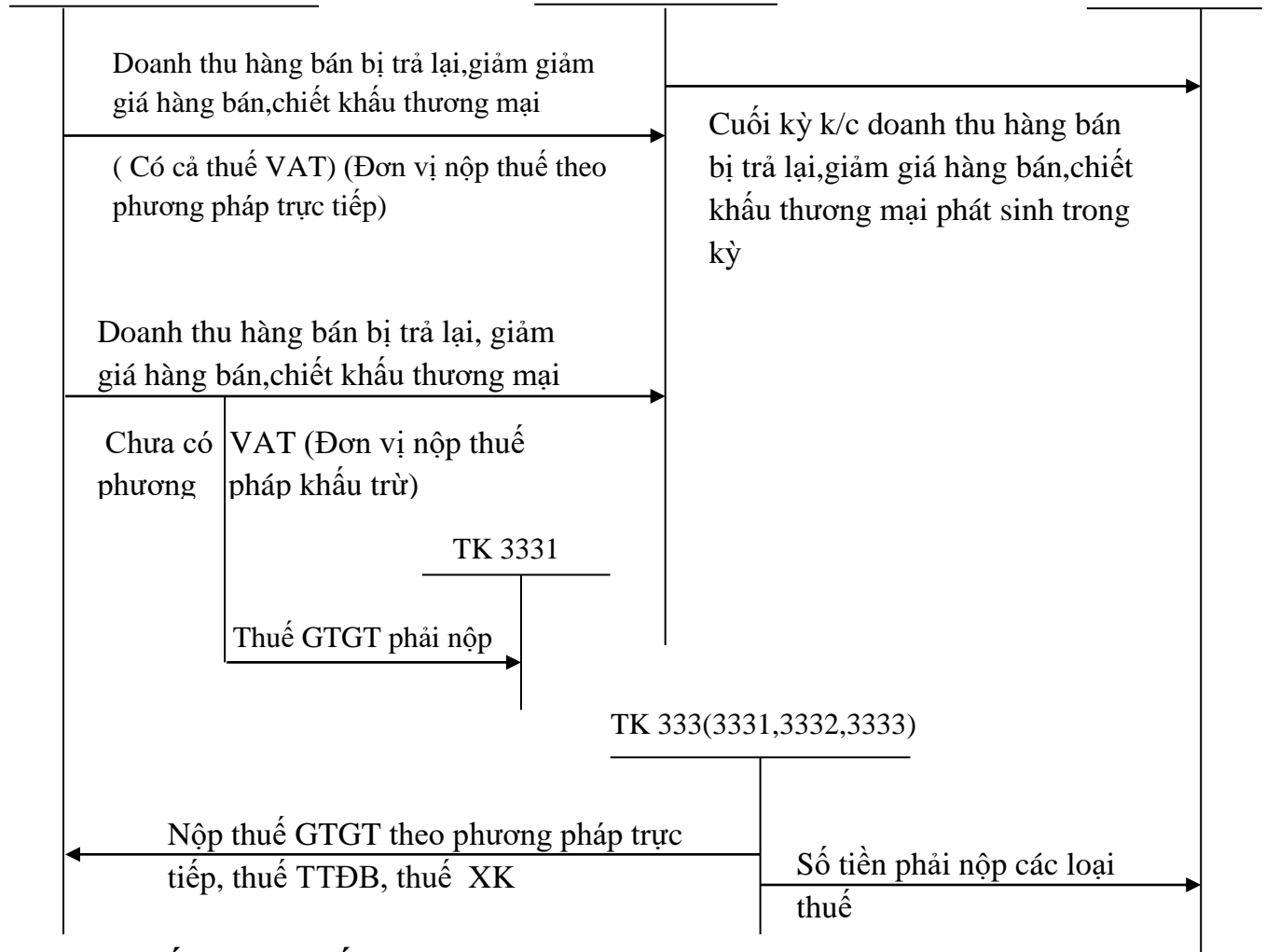
Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

TK 111,112,131

TK 521

TK 511



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

Sau khi xác định được giá trị vốn của hàng xuất kho để bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán cần phải xác định kết quả để cung cấp thông tin trình bày báo cáo tài chính (Báo cáo kết quả kinh doanh). Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp và sự vận động của sản phẩm, hàng hóa mà kế toán xác định giá vốn của hàng hóa đã bán.

Trị giá vốn của hàng đã bán = Trị giá vốn của hàng xuất đã bán + Chi phí bán hàng, quản lý DN.

Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để tính giá vốn hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02: “Hàng tồn kho”:

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}$$

❖ **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về trước sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước mới tính đến số hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này, số hàng tồn đầu kỳ sẽ được coi là lần nhập đầu tiên).

❖ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về sau sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập lần sau mới tính đến số hàng nhập lần ngay trước đó của từng loại hàng.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh.**

Theo phương pháp này, hàng hoá nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hoá được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hoá của mỗi lần nhập. Do đó những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ nhập xuất hàng hoá không nên áp dụng.

a, Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn mua hàng, hoá đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Phiếu kế toán (nếu có)

b, Tài khoản sử dụng: TK 632: Giá vốn hàng bán

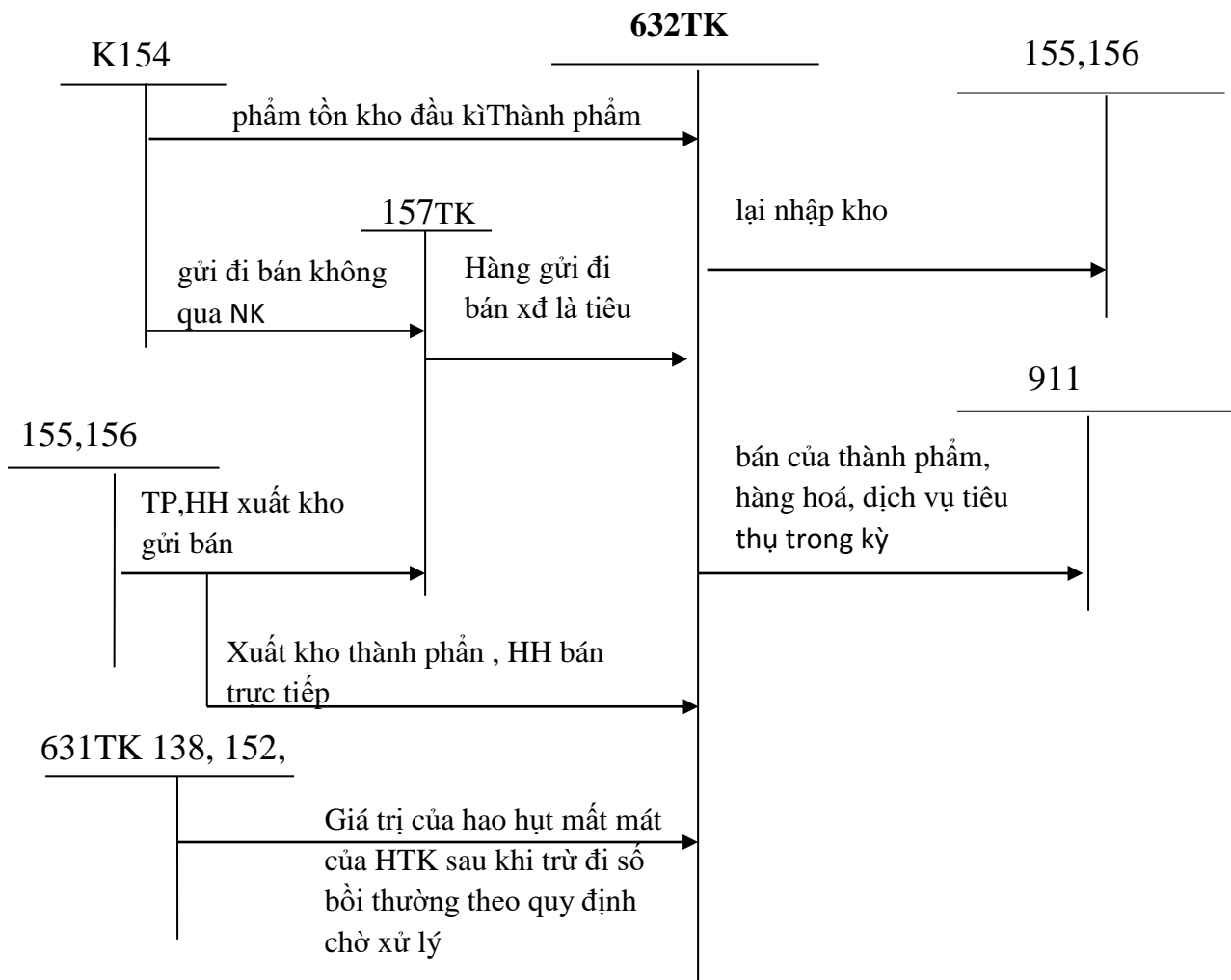
Nợ	TK 632	Có
-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. -Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		-Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); -Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ sang TK 911 xác định KQKD.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX (Doanh nghiệp sản xuất; Doanh nghiệp thương mại)

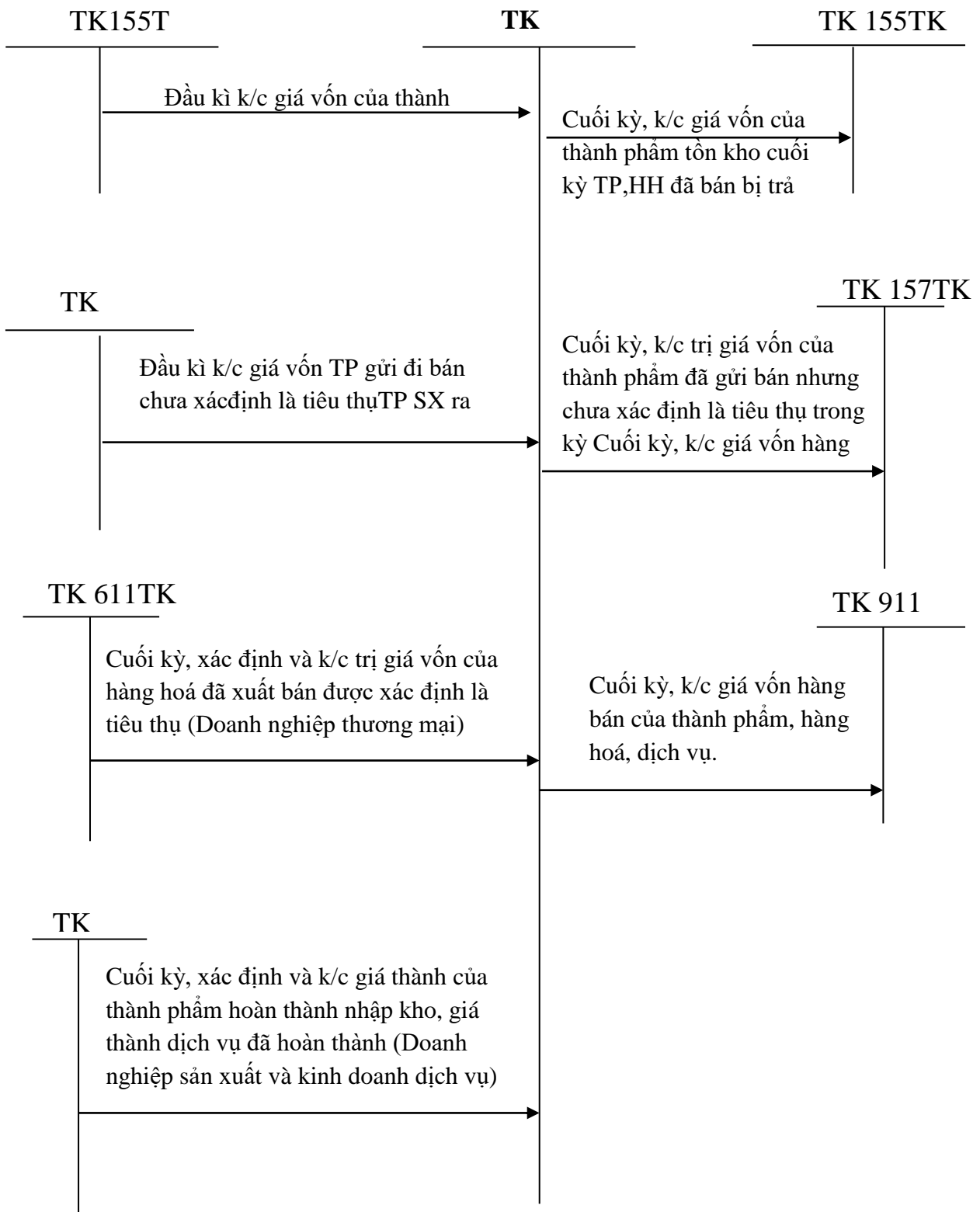
Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán giá vốn hàng xuất theo phương pháp KKTX



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK (Doanh nghiệp sản xuất; Doanh nghiệp thương mại)

Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán giá vốn hàng xuất theo phương pháp KKĐK



1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a, Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu, phiếu chi,...

b, Tài khoản sử dụng:

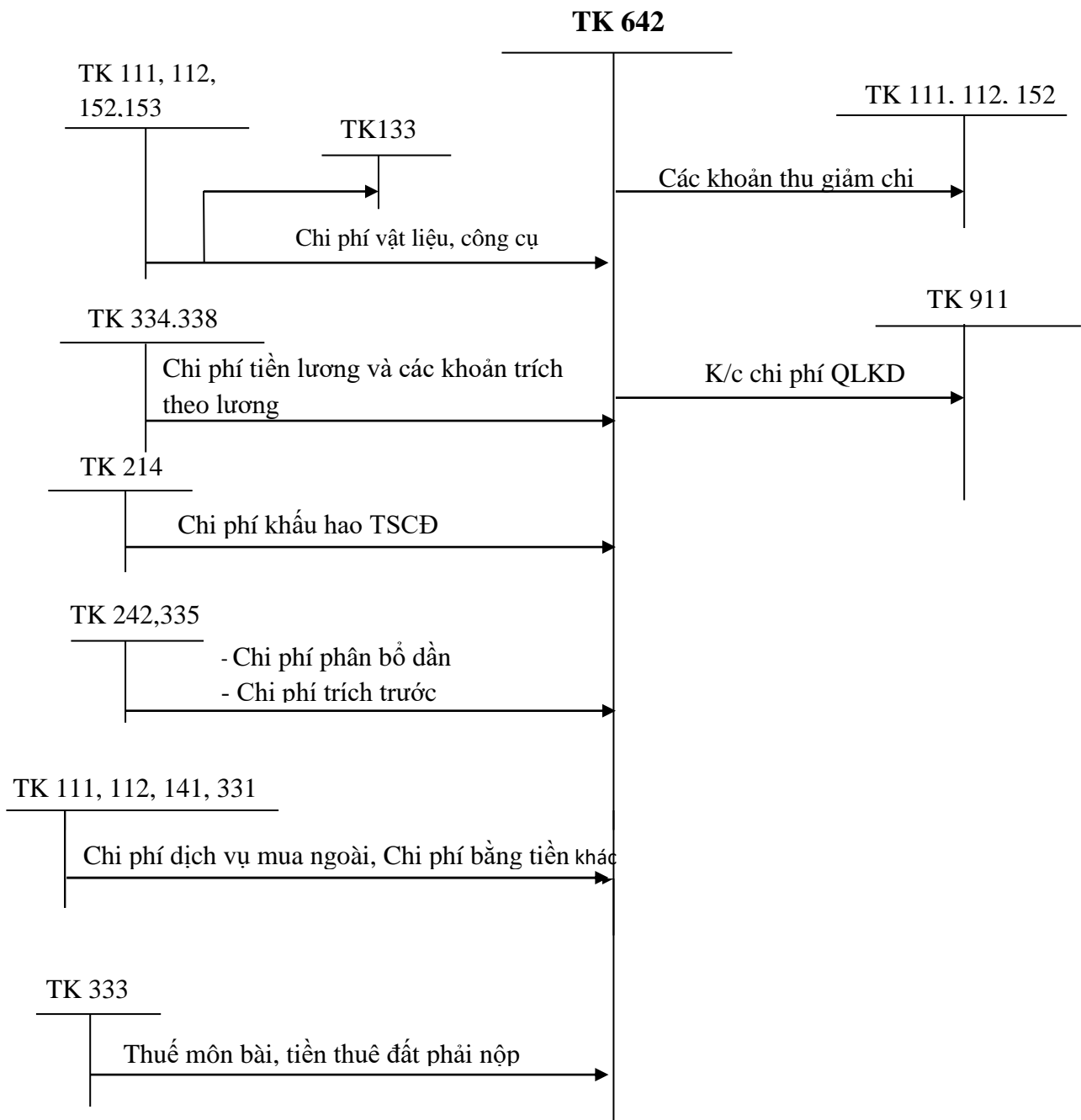
❖ TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Nợ	TK 642	Có
-Các chi phí phát sinh liên quan đến quá bán thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ. -Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ -Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết -Dự phòng trợ cấp mất việc làm.	-Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ -Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) -Kết chuyển chi phí QLKD vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán.
- Giấy báo có, giấy báo nợ, ...
- Các chứng từ liên quan khác.

b. Tài khoản sử dụng:

❖ **Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.**

Nợ	TK 515	Có
-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) -Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911	TK 515	-Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán

❖ **Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính.**

Nợ	TK 635	Có
Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua.	TK 635	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

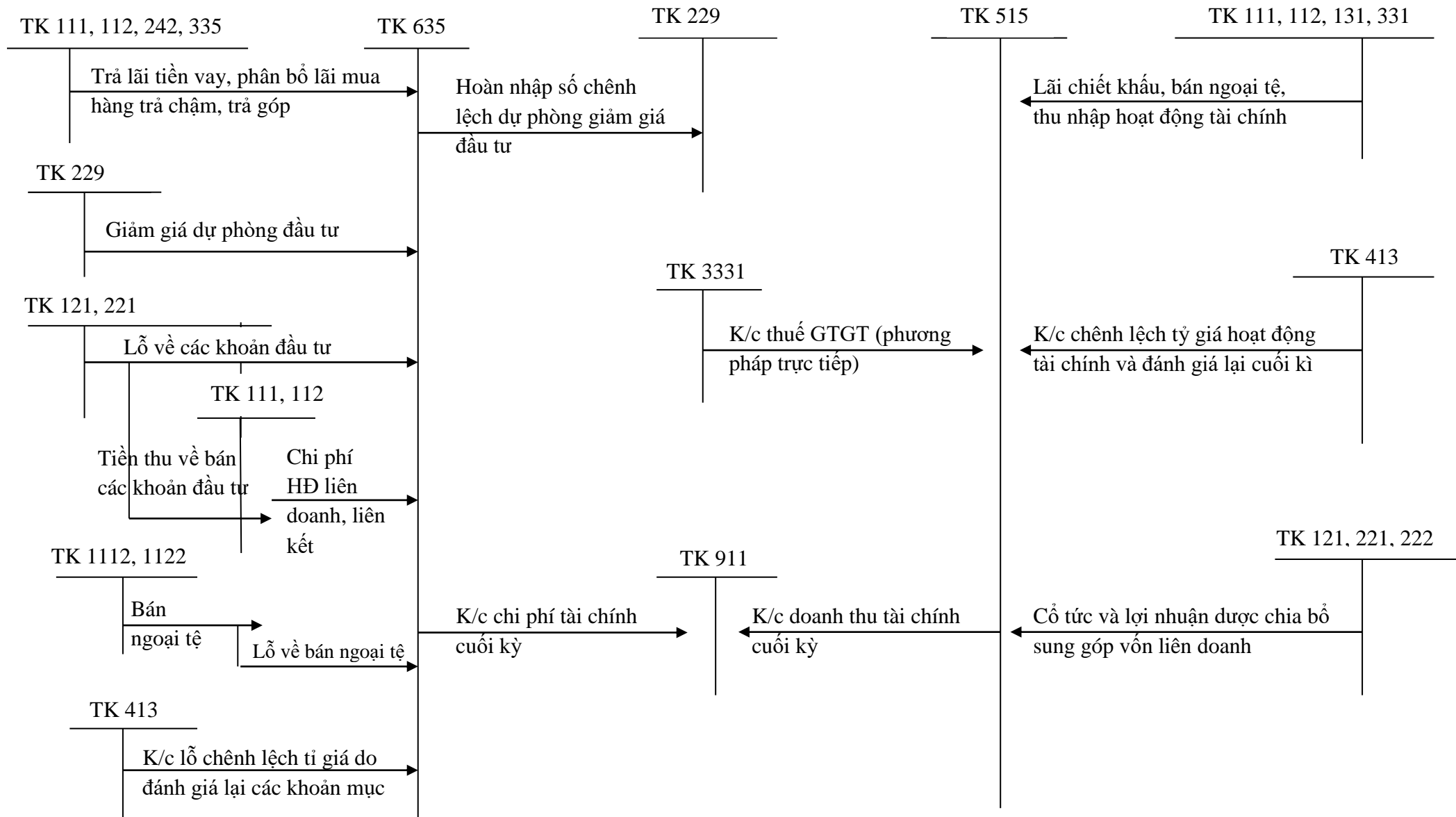
TK 635 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính



1.2.6. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

a. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ
- Hợp đồng kinh tế

b. Tài khoản sử dụng:

❖ Tài khoản 711: thu nhập khác

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang tài khoản 911.		- Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 811: Chi phí khác

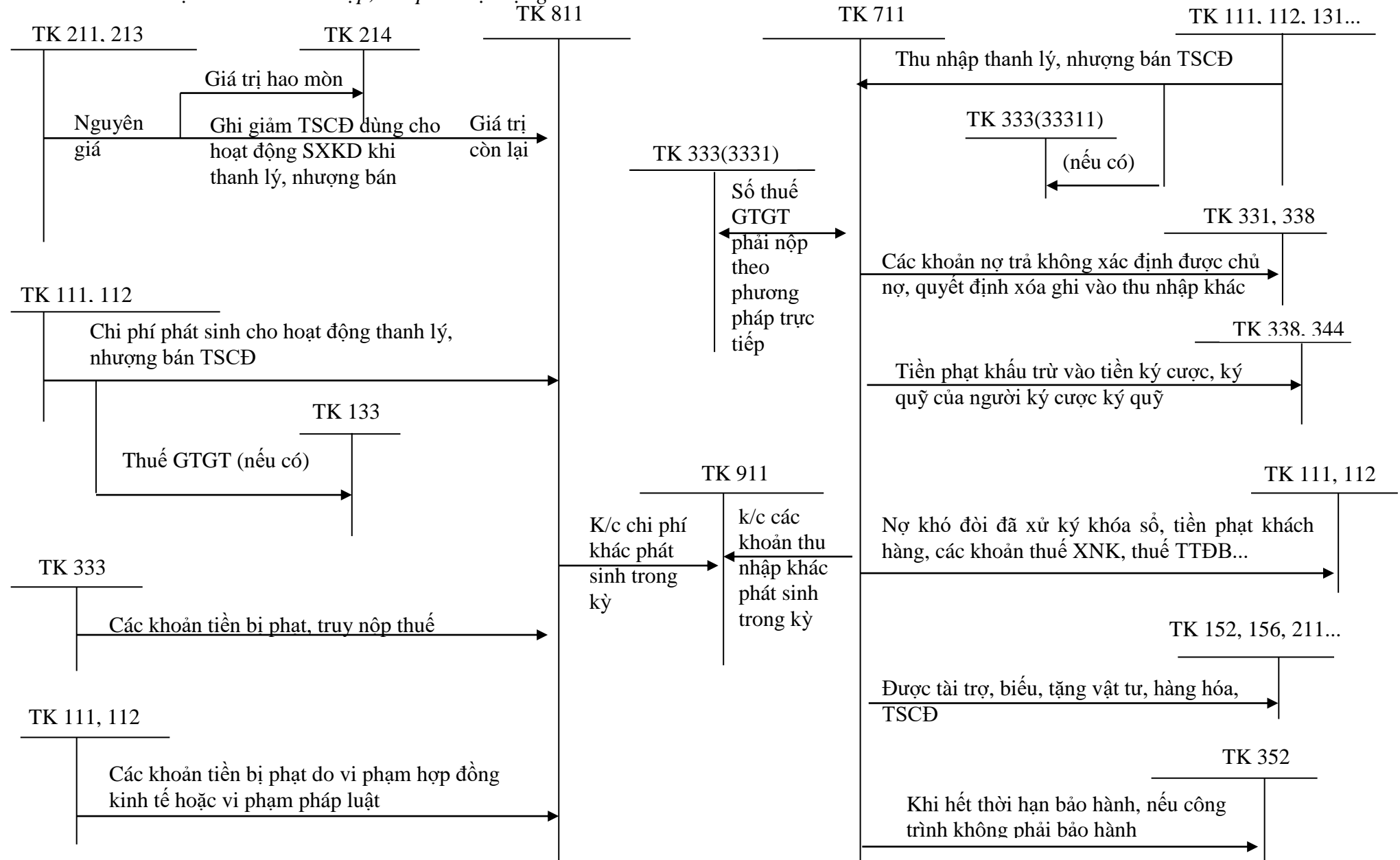
Nợ	TK 811	Có
Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ		Kết chuyển chi phí khác sang TK 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.9: Trình tự kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác



1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

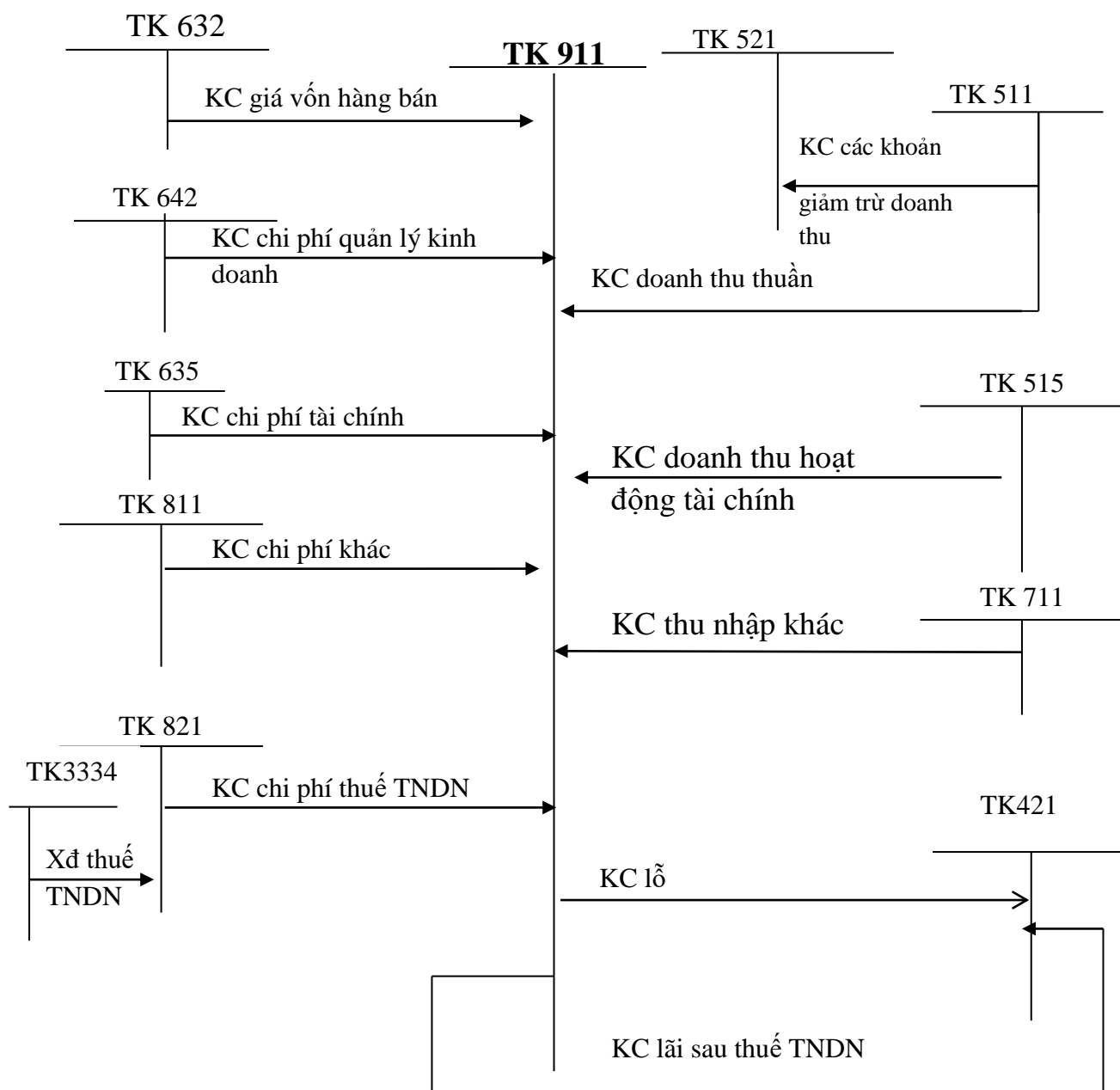
❖ **Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.**

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển chi phí phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh) • Kết chuyển chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp • Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính, thu nhập khác) • Kết chuyển lỗ. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo sơ đồ như sau:

Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

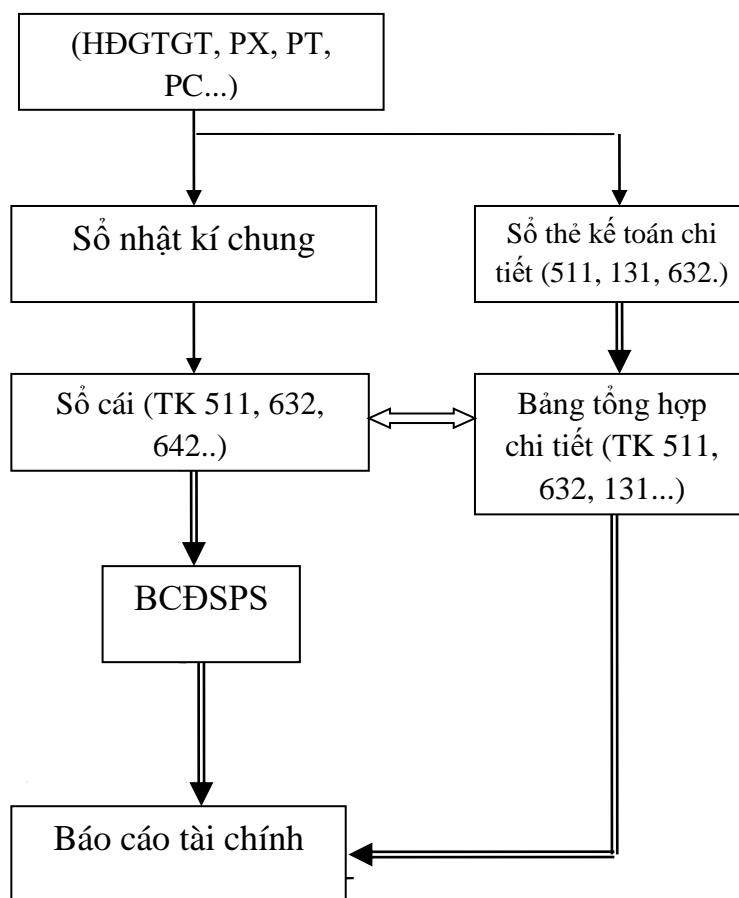


1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.



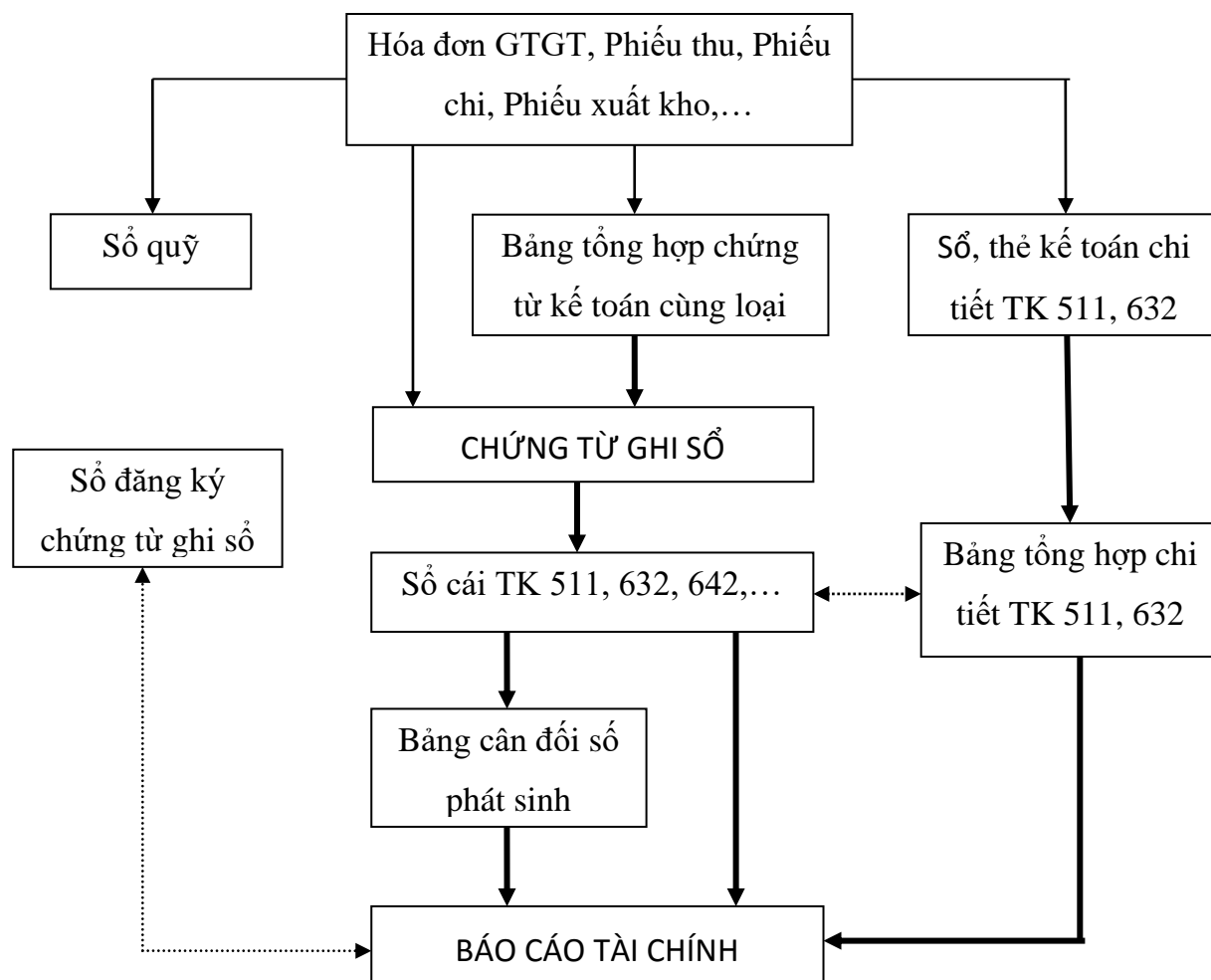
Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

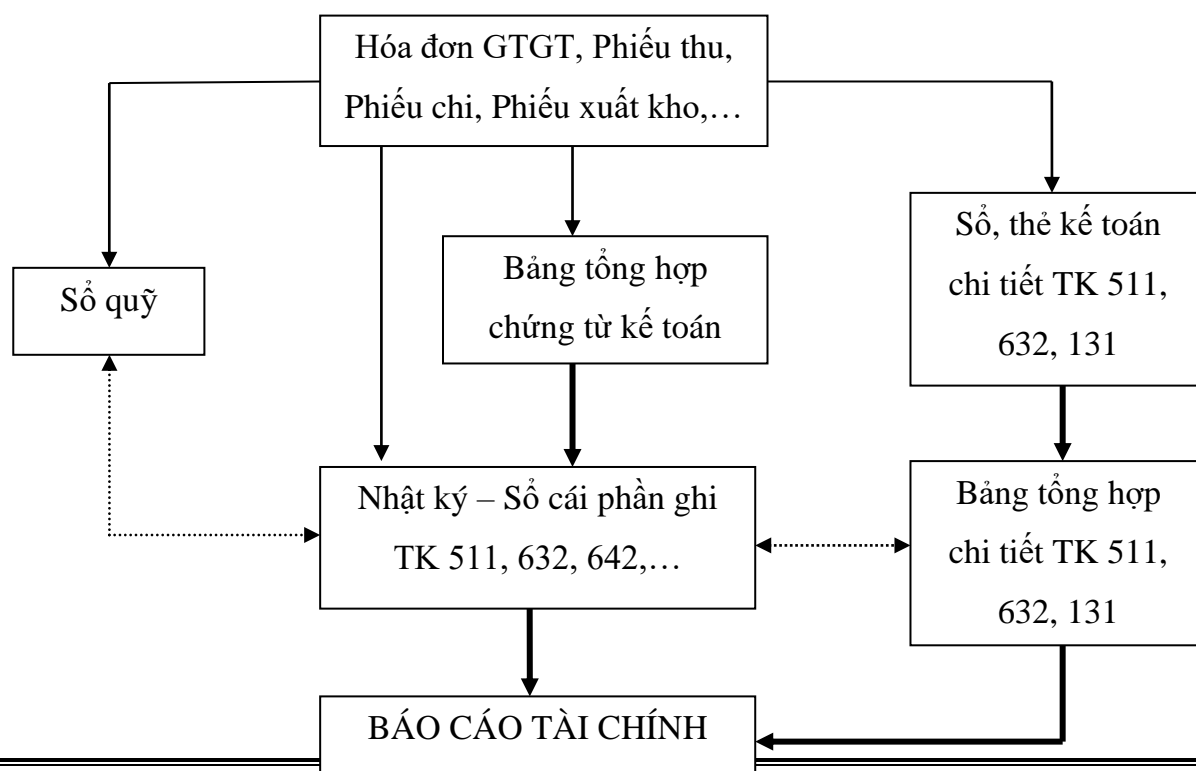
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

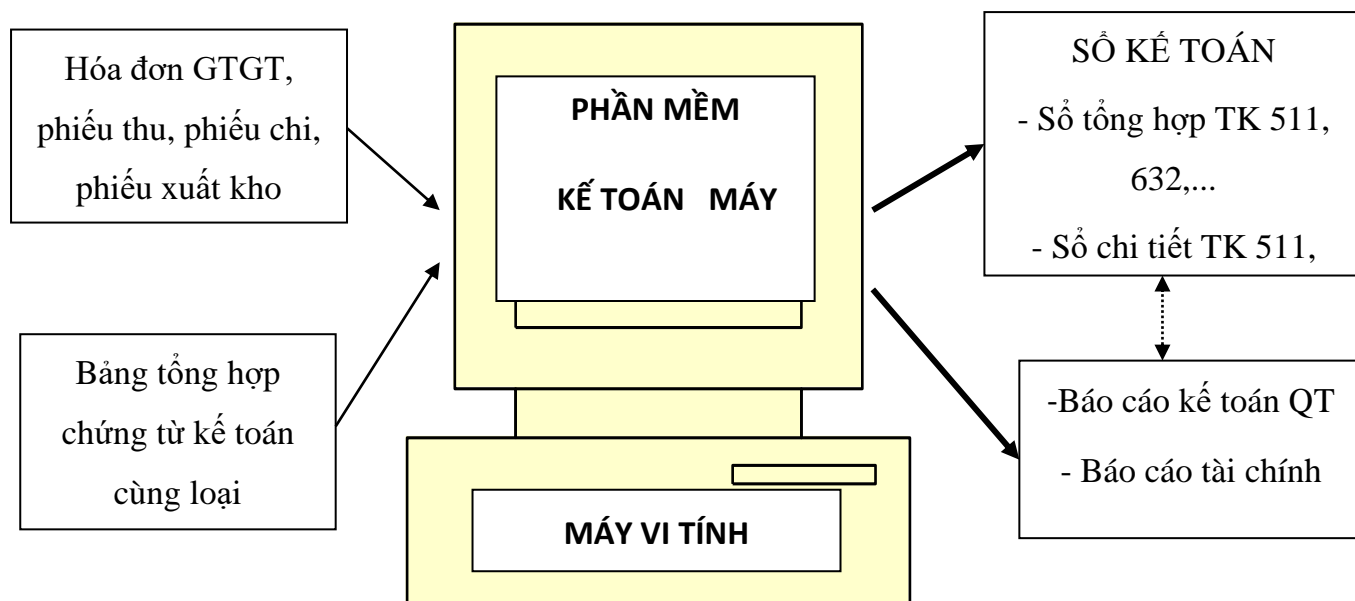
1.3.2. Hình thức kế toán Chứng Từ - Ghi Sổ.



1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái



1.3.4. Hình thức kế toán máy vi tính.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, KINH DOANH, KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ ANH CƯỜNG

2.1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp

*** Giới thiệu về công ty:**

- ❖ Tên công ty : Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường
- ❖ Địa chỉ: Thôn Thanh Lãng, Xã Quảng Thanh, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
- ❖ Mã số thuế: 0200570198 (15-11-2003)
- ❖ Điện thoại: 0313673057
- ❖ Chủ doanh nghiệp: **Trần Thị Thanh**
- ❖ Ngày cấp mã doanh nghiệp: 20-11-2003
- ❖ Ngày hoạt động: 15-11-2003
- ❖ Giấy phép kinh doanh: 0200570198
- ❖ Lĩnh vực: Bán buôn kim loại và quặng kim loại

*** Lịch sử hình thành và phát triển công ty**

Công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường là một trong những đơn vị có uy tín, đã và đang khẳng định được thương hiệu của mình trong lĩnh vực kinh doanh thương mại trên địa bàn huyện Thủy Nguyên và thành phố Hải Phòng.

Công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường thành lập ngày 15-11-2003 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0200570198-Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng. Quy mô ban đầu của Công ty chỉ là một văn phòng nhỏ, chưa đầy chục cán bộ công nhân viên, với số vốn ít ỏi, bất chấp khó khăn, gian khổ, làm việc trong điều kiện hết sức khó khăn, thiếu thốn đủ đường, Lãnh đạo Công ty cùng với cán bộ công nhân viên đã “khởi nghiệp” từ vô vàn khó khăn nhưng Công ty vẫn quyết tâm thực hiện vì mục tiêu khẳng định uy tín và thương hiệu của mình.

Với phương châm “Coi con người là nhân tố trung tâm để quyết định thành công, phồn thịnh và phát triển bền vững”, vì vậy Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của nhân viên, bằng những việc làm cụ thể như mở rộng, đa dạng hóa loại hình kinh doanh góp phần tạo công ăn việc làm ổn định và tăng

thu nhập cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Công ty đã tập trung được trí tuệ tập thể, sự nhiệt huyết, đoàn kết và phát triển một cách toàn diện.

Đất nước chuyển mình bước sang thời kỳ đổi mới đặt ra trước mắt Công ty nhiều cơ hội cũng như vô vàn thách thức, đòi hỏi Công ty phải nhanh chóng thay đổi công tác quản lý, tổ chức theo hướng gọn nhẹ, năng động để thích nghi, tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt. Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, đầu tư tập trung, có trọng điểm và khả thi về vốn, tiến hành phân kỳ đầu tư, đảm bảo dự án đầu tư hiệu quả, ổn định công ăn việc làm cho người lao động.

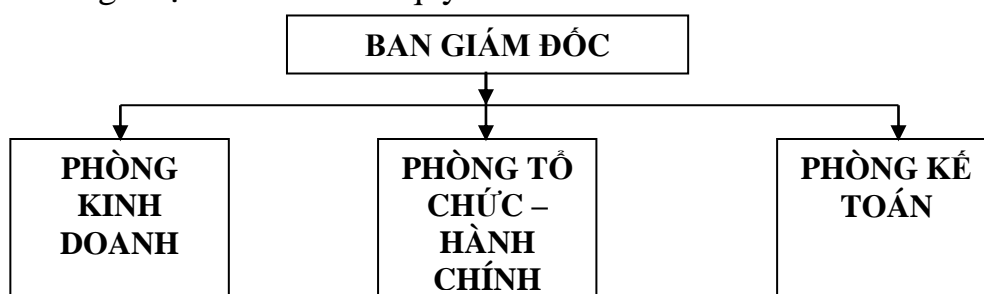
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp

❖ Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tuân thủ các chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện kinh doanh và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh.
- Xây dựng tổ chức và thực hiện các mục tiêu kế hoạch đề ra, sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập doanh nghiệp.
- Quản lý và sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi.
- Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.
- Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức

Là một đơn vị hạch toán kế toán độc lập, có tư cách pháp nhân, hoạt động quản lý và điều hành công ty Cổ phần xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường được tổ chức theo quy mô sau:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý trong công ty

*** Ban giám đốc:**

➤ *Giám đốc:* là người đứng đầu có quyền lực cao nhất và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty, là người ra quyết định đối với cấp dưới, thực hiện việc phân cấp, phân quyền với cấp dưới và tổ chức thực hiện phương án kinh doanh, tiến hành kiểm tra giám sát, kiểm soát kết quả hoạt động của công ty.

➤ *Phó giám đốc:* là người chịu trách nhiệm cùng giám đốc quản lý công ty và là người chịu trách nhiệm thu thập thông tin, nghiên cứu thị trường, nắm bắt các nguồn hàng, và thay giám đốc tham gia ký kết các hợp đồng mua bán.

*** Phòng kinh doanh:**

➤ *Chức năng:* Phòng kinh doanh có chức năng tham mưu cho ban giám đốc xây dựng phương án và kế hoạch kinh doanh, thực hiện các chiến lược kinh doanh đã được giám đốc phê duyệt và quyết định. Tổng hợp chính xác kịp thời các hoạt động kinh doanh.

*** Phòng tổ chức – hành chính:**

Phòng TC – HC có chức năng quản lý lao động tiền lương, tổ chức đời sống cho cán bộ công nhân viên, tổ chức các hoạt động về y tế, thực hiện các hoạt động về quản lý hành chính cho doanh nghiệp.

*** Phòng kế toán:**

➤ *Chức năng:*

- Quản lý kinh tế tài chính và thực hiện các hoạt động thanh toán, hạch toán tài chính doanh nghiệp.

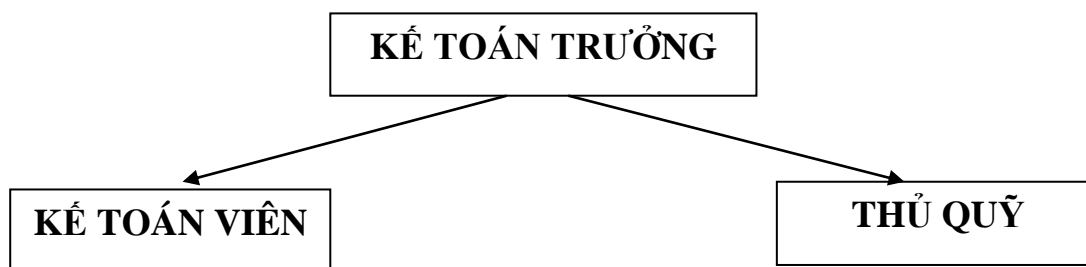
- Tham mưu cho giám đốc công ty để xây dựng kế hoạch phát triển trung và dài hạn, và các đề án sản xuất kinh doanh, huy động vốn, quản lý tài chính và tổ chức hạch toán kinh tế trong công ty.

- Giúp doanh nghiệp về lĩnh vực tài chính, theo dõi tình hình lợi nhuận của công ty và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2.1.4, Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Do số lượng nhân viên trong phòng kế toán hạn chế nên mỗi người phải kiêm nhiều công việc, vì vậy bộ máy tổ chức kế toán được thực hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.

****Chức năng nhiệm vụ của từng nhân viên:***

- *Kế toán trưởng*: Là một kế toán tổng hợp, có mối liên hệ trực tuyến với kế toán viên thành phần, có năng lực điều hành và tổ chức. Kế toán trưởng còn có nhiệm vụ tổ chức ghi chép và kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chế độ bảo vệ tài sản, vật tư, tiền vốn của công ty, các định mức tiền lương tiền thưởng... đồng thời xử lý các khoản hao hụt, mất mát. Thực hiện lập và gửi cấp trên đầy đủ, đúng hạn các báo cáo kế toán.

- *Kế toán viên*: có nhiệm vụ theo dõi và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán và bao quát tất cả các phần hành kế toán, chịu sự chỉ đạo trực tiếp về nghiệp vụ của kế toán trưởng, trao đổi trực tiếp với kế toán trưởng về các vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ cũng như về chế độ kế toán, chính sách tài chính của Nhà nước.

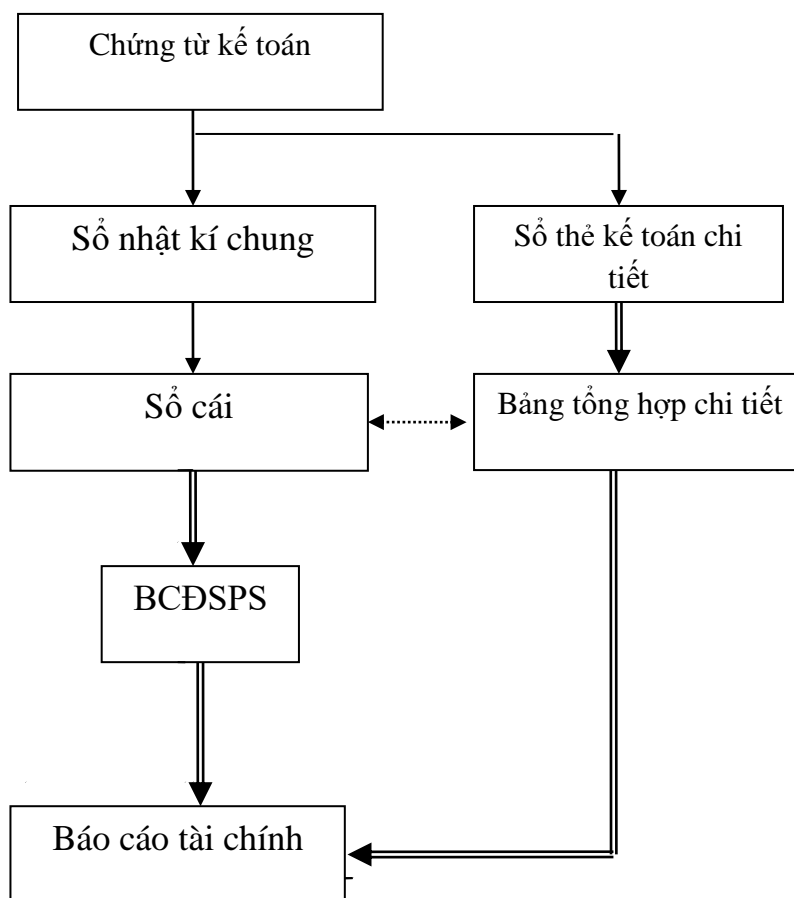
- *Thủ quỹ*: chịu trách nhiệm quản lý các nguồn vốn bằng tiền của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ phần thu chi, sau đó tổng hợp đối chiếu phần thu chi với kế toán.

2.1.4.2. Chế độ và chính sách kế toán:

- Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường áp dụng các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Đơn vị tiền tệ ghi chép sổ kế toán: Đồng Việt Nam (VND)
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

*** Sổ kế toán và trình tự ghi sổ kế toán:**

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra, ghi chép vào sổ nhật ký chung và sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó, từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản. Đồng thời, kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái tài khoản với bảng tổng hợp chi tiết (nếu có).

- Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Luôn đối chiếu giữa các số liệu chi tiết và đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

2.2.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

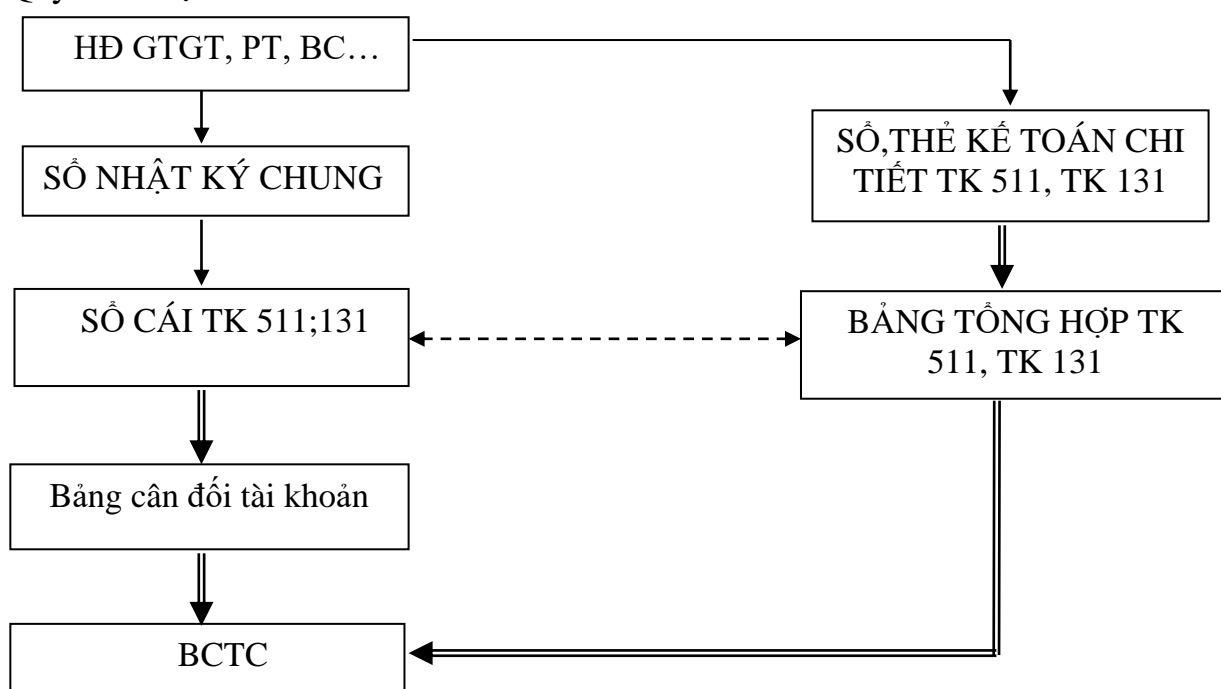
a. Chứng từ sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Chứng từ thanh toán: giấy báo có, phiếu thu
- Các chứng từ có liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng.
- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp
- Các TK liên quan khác

c. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra.

Ví dụ:

Tháng 11/2015, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ bán hàng. Căn cứ vào các chứng từ kế toán tiến hành ghi vào sổ NKC, từ Sổ Nhật ký chung vào sổ cái 511, Sổ cái TK 333, Sổ cái TK131.

Đồng thời căn cứ vào hoá đơn bán hàng tiến hành kế toán ghi sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết 131.

- Ngày 11/11/2015 bán hàng cho ty TNHH Thương mại xây dựng Đại Hiệp theo hóa đơn số 0001842 chưa thanh toán.

- Ngày 16/11/2015 bán hàng cho công ty Minh Sơn theo hóa đơn số 0001855 thanh toán ngay bằng tiền mặt

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT

Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường
Thanh Lãng, Quảng Thanh, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Mẫu số: 01GTKT3/ 001
Ký hiệu: AA/ 15P
0001842

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 3: Nội bộ

Ngày 11/11/2015

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Mã số thuế: 0200570198

Địa chỉ: Thanh Lãng, Quảng Thanh, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Điện thoại: 0313673057

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Thương mại xây dựng Đại Hiệp

Địa chỉ: Đường 25/10, Thị trấn Núi Đèo- Thủy Nguyên - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép thanh vằn D12	Kg	3.500	20.500	71.750.000
	Cộng tiền hàng				71.750.000
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	7.175.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					78.925.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy tám triệu chín trăm hai lăm nghìn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Giám đốc	
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: phòng kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT

Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai
thác và dịch vụ Anh Cường
Thanh Lãng, Quảng Thanh, Thủy Nguyên, Hải
Phòng

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/ 15P
0001855

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 3: Nội bộ

Ngày 16/11/2015

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ
Anh Cường

Mã số thuế: 0200570198

Địa chỉ: Thanh Lãng, Quảng Thanh, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Điện thoại: 0313673057

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Công ty Minh Sơn

Địa chỉ: Phù Ninh – Thủy Nguyên - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép thanh vằn D12	kg	383	20.500	7.852.500
2	Thép thanh vằn D18	Kg	580	16.300	9.454.000
	Cộng tiền hàng				17.306.500

Thuế GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:	1.730.650
Tổng cộng tiền thanh toán:		19.037.150

Số tiền viết bằng chữ: *Mười chín triệu không trăm ba bảy nghìn một trăm năm mươi đồng*

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: phòng kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

Biểu 2.3: Hóa đơn GTGT

Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường
Thanh Lăng, Quảng Thanh, Thủy Nguyên, HP

Mẫu số:01-TT của BTC
QĐ 48/2006/QĐ-BTC

PHIẾU THU

Ngày 16 tháng 11 năm 2015

Số 115/11

NỢ TK 111: 19.037.150

CÓ TK 511: 17.306.500

CÓ TK 3331: 1.730.650

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Minh Sơn

Địa chỉ: Công ty Minh Sơn

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng

Số tiền: 19.037.150

Viết bằng chữ: Mười chín triệu không trăm ba bảy nghìn một trăm năm mươi đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu không trăm ba bảy nghìn một trăm năm mươi đồng.

Ngày 16 tháng 11 năm 2015

Giám đốc

KT trưởng

Người lập

Người nộp

Thủ quỹ

(Ký, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: Công ty Cổ phần sản xuất,
kinh doanh, khai thác và dịch vụ
Anh Cường
Địa chỉ: Quảng Thanh, TN, HP

Mẫu số S13 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 11/2015

Tài khoản: 131 (Trích)

Đối tượng: Công ty TNHH Thương mại xây dựng Đại Hiệp

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				<u>20.500.000</u>	
			SPS tháng					
11/11	HD0001842	11/11	Doanh thu bán hàng	511	71.750.000		92.350.000	
			Thuế GTGT phải nộp	3331	7.175.000		99.535.000	
							
29/11	PT 124	29/11	Thu tiền bán hàng	111		30.000.000		
			...					
			Cộng SPS tháng		159.600.000	130.000.000		
			Số dư cuối tháng				<u>50.100.000</u>	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Từ sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán vào bảng tổng hợp thanh toán với người mua.

Biểu số 2.5: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 11/2015

Tài khoản: 131 (Trích)

STT	Khách hàng	Số dư đầu kỳ		SPS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Thương mại XD Đại Hiệp	20.500.000		159.600.000	130.000.000	50.100.000	
2	Công ty Ngọc Lâm			209.000.000		209.000.000	
3	Công ty Hùng Phát	40.600.000		116.000.000		156.600.000	
						
	Cộng	170.800.000		540.000.000	290.000.000	420.800.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Người lập

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.6: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Địa chỉ: Quảng Thanh, TN, HP

Mẫu số S17 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Sản phẩm: Thép thanh vằn D12

Tháng 11 Năm 2015

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
	
11/11	HĐ0001842	11/11	Bán cho Công ty TNHH Thương mại xây dựng Đại Hiệp	131	3.500	20.500	71.750.000	0
16/11	HĐ0001856	16/11	Bán cho Cty Sơn Trường	112	2232	20.500	45.756.000	0
21/11	HĐ0001871	21/11	Bán cho công ty Ngọc Lâm	131	3122	20.500	64.001.000	0
						
			Cộng số phát sinh				337.500.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

Biểu số 2.7: Sổ tổng hợp bán hàng

Đơn vị: : Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Địa chỉ: Quảng Thanh, TN, HP

SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG

(Trích)

Tháng 11 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Doanh thu bán hàng	Khoản giảm trừ	Doanh thu thuần
1	Thép thanh vằn D12	337.500.000	0	337.500.000
2	Thép thanh vằn D18	161.682.000	0	161.682.000
3	Thép thanh vằn D14	65.216.700	0	65.216.700
4	Thép không gỉ	34.324.060	0	34.324.060
		
	Cộng	578.040.700	0	578.040.700

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8: Sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

(Đơn vị tính: Đồng)

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
11/11	HĐ0001842	11/11	Doanh thu bán hàng	131	78.925.000	
				511		71.750.000
				3331		7.175.000
			
16/11	PT115/11	16/11	Bán hàng thu TM	111	19.037.150	
				511		17.306.500
				3331		1.730.650
			
21/11	HĐ0001871	21/11	Bán hàng công ty Ngọc Lâm	131 511 3331	209.000.000	190.000.000 19.000.000
21/11	HĐ0001873	21/11	Doanh thu bán hàng cho công ty Hùng Phát	131 511 3331	165.000.000	150.000.000 15.000.000
25/11	GBC15/11	25/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng	112 515	113.520	113.520
				
			Cộng chuyển trang sau		5.088.810.130	5.088.810.130

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 511

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
11/11	HĐ 0001842	11/11	Doanh thu bán hàng hóa Công ty TNHH Thương mại xây dựng Đại Hiệp			131		71.750.000
							
16/11	PT115/11	16/11	DT bán hàng hóa cho công ty Minh Sơn			111		17.306.500
							
21/11	HĐ 0001871	21/11	DT bán hàng hóa cho công ty Ngọc Lâm			131		190.000.000
21/11	HĐ 0001873	21/11	DT bán hàng hóa cho công ty Hùng Phát			131		150.000.000
.....					
31/12	PKT152	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần			911	4.222.500.000	
			Cộng phát sinh tháng				4.222.500.000	4.222.500.000
			Số dư cuối tháng					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và
dịch vụ Anh Cường)

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

a. Chứng từ kế toán sử dụng

Phiếu xuất kho; Bảng kê xuất...

b. Tài khoản sử dụng

TK 632 - Giá vốn hàng bán; TK 156- Hàng hóa....

Phương pháp xác định giá vốn hàng bán: Công ty xác định giá vốn hàng hoá theo phương thức bình quân sau mỗi lần nhập

Ví dụ: Tính giá vốn hàng bán cho mặt hàng thép thanh vằn D12

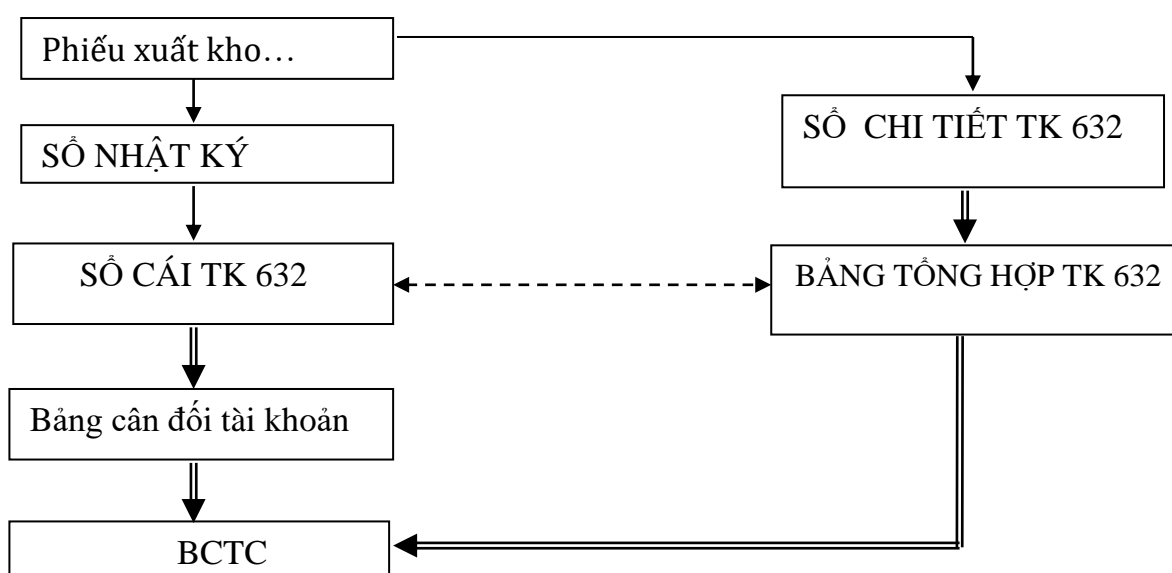
- Ngày 1/11/2015 tồn kho 2400 Kg , đơn giá 19.000đ/kg
- Ngày 06/11/2015 nhập kho 5720 Kg , đơn giá 20.00đ/kg
- Ngày 11/11/2015 xuất kho 3500 Kg bán cho Công ty TNHH Thương Mại xây dựng Đại Hiệp

Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 06/11

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình} & & & (2400 \times 19.000) + (5720 \times 20.000) \\ \text{quân của} & = & & \frac{}{(2400+5720)} = 19.704 \text{ đ/kg} \\ \text{thép thanh} & & & \\ \text{vằn D12} & & & \end{aligned}$$

Vậy trị giá hàng xuất kho ngày 11/11 là: 3500kg *19.704đ/kg = 68.964.000

c. Trình tự ghi sổ kế toán:



Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Tiếp ví dụ phân doanh thu bán hàng, tác giả trình bày cách ghi sổ đối với giá vốn hàng bán của 2 nghiệp vụ trên (ngày 11 và 16/11/2015).

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho

Đơn vị: : Công ty Cổ phần sản xuất,
kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh
Cường
Địa chỉ: Quảng Thanh, TN, HP

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo quyết định số
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006
của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 11 năm 2015

Số: 125

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ, tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Hiệp

Địa chỉ (bộ phận): Đường 25/10, Thị trấn Núi Đèo- Thủy Nguyên - Hải Phòng

Lý do xuất kho : Xuất bán cho công ty TNHH Thương mại xây dựng Đại Hiệp

Xuất tại kho: Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh
Cường

STT	Tên sản phẩm	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Thép thanh vằn D12		Kg	3.500	3.500	19.704	68.964.000
	Tổng cộng						68.964.000

Cộng thành tiền (bằng chữ) : *Sáu mươi tám triệu chín trăm sáu tư nghìn đồng chẵn*

Xuất, ngày 11 tháng 11 năm 2015

Thủ kho **Người lập phiếu** **Kế toán trưởng** **Người nhận** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho

Đơn vị: : Công ty Cổ phần sản xuất, kinh
doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường
Địa chỉ: Quảng Thanh, TN, HP

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo quyết định số
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006
của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 11 năm 2015

Nợ TK 632

Số 136

Có TK 156

Họ, tên người nhận hàng : Nguyễn Minh Sơn

Địa chỉ: Phù Ninh – Thủy Nguyên - Hải Phòng

Lý do xuất kho : Xuất bán cho Công ty Minh Sơn

Xuất tại kho : Công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

STT	Tên hàng hoá	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Thép thanh vằn D12		kg	383	383	19.250	7.372.750
02	Thép thanh vằn D18		kg	580	580	15.100	8.758.000
	Tổng cộng						16.130.750

Cộng thành tiền (bằng chữ): Mười sáu triệu một trăm ba mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng.

Xuất, ngày 16 tháng 11 năm 2015

Thủ kho **Người lập phiếu** **Kế toán trưởng** **Người nhận** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn

Đơn vị: : Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Địa chỉ: Quảng Thanh, TN, HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Thép thanh vằn D12

Tháng 11 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
			...			
11/11	PX125	11/11	Xuất bán cho Công ty TNHH Thương mại XD Đại Hiệp	3.500	19.704	68.964.000
			...			
16/11	PX137	16/11	Xuất bán cho công ty Sơn Trường	2.232	19.250	43.423.560
		
21/11	PX148	21/11	Xuất bán cho công ty Ngọc Lâm	3.122	18.985	59.271.170
			...			
			Cộng phát sinh			315.520.655

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

Biểu số 2.13: Sổ tổng hợp giá vốn

Đơn vị: : Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Địa chỉ: Quảng Thanh, TN, HP

SỔ TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 11 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên sản phẩm	Số tiền
01	Thép thanh vằn D12	315.520.655
02	Thép thanh vằn D18	149.145.652
03	Thép thanh vằn D14	58.284.520
04	Thép không gỉ	29.324.457
.....		
	Cộng	725.418.170

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14 : Sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
11/11	PX125	11/11	Giá vốn hàng bán cho Cty TNHH TMXD Đại Hiệp	632 156	68.964.000	68.964.000
11/11	HĐ0001842	11/11	Doanh thu hàng hóa	131	78.925.000	
				511		71.750.000
				3331		7.175.000
					
16/11	PX136	16/11	Giá vốn hàng bán Cty Minh Sơn	632 156	16.130.750	16.130.750
16/11	PT115/11	16/11	Bán hàng thu TM	111	19.037.150	
				511		17.306.500
				3331		1.730.650
.....			
21/11	PX148	21/11	Giá vốn hàng bán cho công ty Ngọc Lâm	632 156	155.000.000	155.000.000
21/11	HĐ0001871	21/11	Bán hàng cho công ty Ngọc Lâm	131 511 3331	209.000.000	190.000.000 19.000.000
.....				
31/12	PKT153	31/12	Kết chuyển giá vốn	911 632	3.653.500.127	3.653.500.127
			Cộng chuyển trang sau		8.576.250.130	8.576.250.130

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.15: Sổ cái TK 632

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu : 632

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
...					
11/11	PX125	11/11	Giá vốn hàng bán Công ty TNHH TMXD Đại Hiệp			156	68.964.000	
							
16/11	PX136	16/11	Giá vốn hàng bán cho c.ty Minh Sơn			156	16.130.750	
							
21/11	PX148	21/11	Giá vốn hàng bán cho công ty Ngọc Lâm			156	155.000.000	
.....					
31/12	PKT153	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		3.653.500.127
			Cộng phát sinh				3.653.500.127	3.653.500.127
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và
dịch vụ Anh Cường)

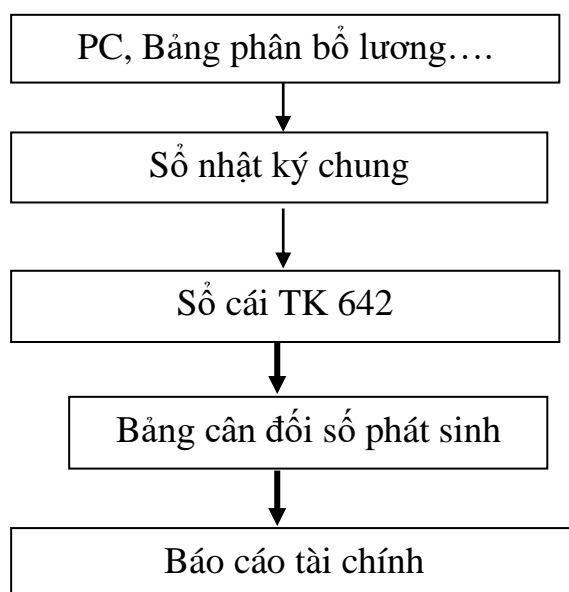
2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Các hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

b. Tài khoản sử dụng: TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh.

c. Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng →

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Bảng thanh toán lương tháng 11/2015

Đơn vị: Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Mẫu số 02-LĐTL

Địa chỉ: Quảng Thanh – Thủy Nguyên – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006

Của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Bộ phận văn phòng

Tháng 11 năm 2015

STT	Họ Và Tên	Lương HD	Tiền lương 1 ngày	Tiền lương						Các khoản khấu trừ				Thực lĩnh	
				Lương thời gian		Nghỉ hưởng 100%		Nghỉ hưởng 75%		Cộng	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%		Cộng
				công	tiền	công	tiền	công	tiền						
1	Ngô Văn Huân	8.000.000	300.000	26	8.000.000					8.000.000	640.000	120.000	80.000	840.000	7.260.000
2	Nguyễn Thị Luyện	3.900.000	150.000	26	3.900.000					3.900.000	312.000	58.500	39.000	409.500	3.490.500
3	Đỗ Thị Tú	3.380.000	130.000	26	3.380.000					3.380.000	270.400	50.700	33.800	354.900	3.025.100
4	Vũ Thị Nhân	3.750.000	140.000	26	3.750.000					3.750.000	300.000	56.250	37.500	395.750	3.354.250
....													
	Cộng	37.800.000	1.400.000	27	37.800.000					37.800.000	3.024.000	567.000	378.000	3.969.000	33.831.000

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh,
khai thác và dịch vụ Anh Cường)

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Biểu số 2.17: Phiếu chi

Đơn vị: : Công ty Cổ phần sản xuất, kinh
doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường
Địa chỉ: Quảng Thanh, TN, HP

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo quyết định số
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006
của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 11 năm 2015

Số : 25/11

Nợ TK 642: 1.500.000

Nợ TK133: 150.000

Có TK 111: 1.650.000

Người nhận tiền: Nguyễn Thị Luyện

Đơn vị: Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Về khoản: Trả tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.650.000

Bằng chữ: *Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng.*

Ngày 15 tháng 11 năm 2015

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (bằng chữ): : *Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng.*

Ngày 15 tháng 11 năm 2015

Thủ quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

*(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và
dịch vụ Anh Cường)*

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18 : Sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
15/11	PC 25/11	15/11	Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm	642	1.500.000	
				133	150.000	
				111		1.650.000
					
22/11	PT 36/11	22/11	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111	120.000.000	
				112		120.000.000
					
25/11	BL11	25/11	Tính tiền lương phải trả cho bộ phận văn phòng	642	37.800.000	
				334		37.800.000
.....				
31/12	PKT153	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	340.358.000	
				642		340.358.000
			Cộng chuyển trang sau		5.088.810.130	5.088.810.130

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.19: Sổ cái TK 642

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

(Đơn vị tính: đồng)

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
				T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
15/11	PC 25/11	15/11	Chi tiền mặt mua văn phòng phẩm			111	1.500.000	
					
22/11	PC 48/11	22/11	Chi tiền tiếp khách			111	3.246.000	
25/11	BL11	25/11	Tiền lương phải trả			334	37.800.000	
					
30/11	KH11	30/11	Trích khấu hao TSCĐ			214	5.045.640	
							
31/12	PKT153	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD			911		340.358.000
			Cộng phát sinh tháng				340.358.000	340.358.000
			Số dư cuối tháng					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và
dịch vụ Anh Cường)

2.2.2. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính

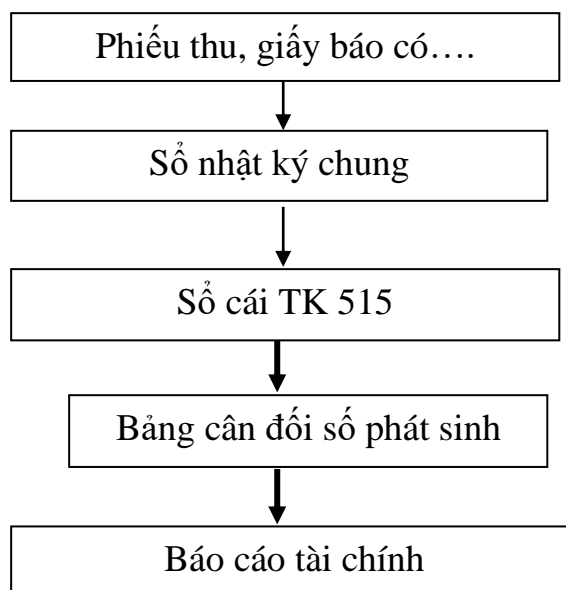
a. Chứng từ sử dụng :

- Phiếu thu
- Giấy báo có .
- Phiếu kế toán.

b. Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu tài chính.

c. Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tài chính tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →

Biểu số 2.20: Giấy báo có:



Chi nhánh Maritime Bank-CN Hải Phòng

GIAY BAO CO Ma GDV NGO THI LAN

Ngày 25/11/2015 Ma KH 54321

So GD

Số 15/11

Kính gửi: công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Mã số thuế: 0200570198

Hôm nay chúng tôi xin báo đa ghi CO tại khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi nợ: 04001015501896

Số tiền ghi bằng số : 113.520

Số tiền bằng chữ: Một trăm mười ba nghìn năm trăm hai mươi đồng.

Nội dung: nhận lãi tiền gửi của ngân hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Từ giấy báo có kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.8), sau đó căn cứ vào Sổ nhật ký chung ghi sổ cái TK 515 (Biểu 2.20)

Biểu số 2.21: Sổ cái TK 515

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu tài chính

Số hiệu: 515

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
				T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
25/11	GBC 15/11	25/11	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Maritime Bank			112		113.520
					
28/11	PT 48/11	28/11	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Vietinbank			111		42.456
31/12	PKT152	31/12	Kết chuyển doanh thu TC			911	1.525.366	
			Cộng phát sinh tháng				1.525.366	1.525.366
			Số dư cuối tháng					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

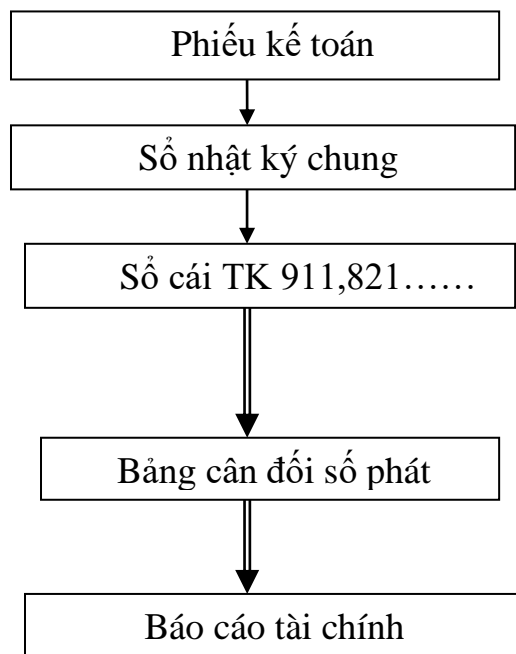
Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.

- a. Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán
- b. Tài khoản sử dụng: TK 911, TK421, TK821
- c. Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

Biểu 2.22: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 152

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	4.222.500.000
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.525.366
	Tổng cộng			4.224.025.366

Biểu 2.23: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 153

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	3.653.500.127
2	Kết chuyển CPQLKD	911	642	340.358.000
	Tổng cộng			3.993.858.127

Biểu 2.24: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 154

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	46.033.448
	Tổng cộng			46.033.448

Biểu 2.25: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 155

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	46.033.448
	Tổng cộng			46.033.448

Biểu 2.26: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 156

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911	421	184.133.791
	Tổng cộng			184.133.791

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.27 : Sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
						
31/12	PKT152	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511 515	911	4.222.500.000 1.525.366	4.224.025.366
31/12	PKT 153	31/12	Kết chuyển chi phí	911	632 642	3.993.858.127	3.653.500.127 340.358.000
31/12	PKT 154	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	46.033.448	46.033.448
31/12	PKT 155	31/12	K/C thuế TNDN phải nộp	911	821	46.033.448	46.033.448
31/12	PKT 156	31/12	K/C LN chưa phân phối	911	421	184.133.791	184.133.791
			Cộng			12.597.863.670	12.597.863.670

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.28. Sổ cái TK 911

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Số hiệu 911

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T. số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
31/12	PKT152	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		4.222.500.000
31/12	PKT152	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		1.525.366
31/12	PKT153	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	3.653.500.127	
31/12	PKT153	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD			642	340.358.000	
31/12	PKT155	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			821	46.033.448	
31/12	PKT156	31/12	Xác định kết quả kinh doanh			421	184.133.791	
			Cộng phát sinh				4.224.025.366	4.224.025.366

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH KHAI THÁC VÀ DỊCH VỤ ANH CƯỜNG

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường.

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành, công ty đã và đang nỗ lực không ngừng tìm ra cho mình những bước đi mới, phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trong nước. Bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và cả những yếu tố chủ quan khác tác động. Mặc dù vậy, công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, ngày càng khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đạt được những kết quả như sau:

3.1.1. Ưu điểm

➤ Về bộ máy kế toán

- Mô hình bộ máy kế toán của công ty là kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán trên văn phòng công ty.
- Bộ phận kế toán của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Đến nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.
- Công tác kế toán đi vào nề nếp, các chi phí phát sinh không cao so với dự toán chi phí kế hoạch năm, do đó công tác kế toán không bị biến động lớn.
- Kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc xác định kết quả kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh

➤ *Về hệ thống tài khoản sử dụng*

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ tài chính về việc áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Đồng thời, trong quá trình hạch toán công ty phản ánh một cách chi tiết, cụ thể phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của Công ty.

➤ *Về công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh*

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời. Giúp công ty nắm bắt được các khoản chi hợp lý, hợp lệ nhằm điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi tiết từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình ứ đọng vốn, hàng hóa và xác định được cụ thể những mặt hàng tiềm năng và mặt hàng còn hạn chế.

3.1.2. Hạn chế

- Công tác ghi chép sổ sách kế toán chưa hiệu quả
- Công ty chưa xác định rõ kết quả kinh doanh cho từng hoạt động nên gây khó khăn trong việc sử dụng thông tin để đưa ra các quyết định.
- Công ty chưa áp dụng chiết khấu thương mại cho các khách hàng

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh cường

3.2.1. Áp dụng kế toán quản trị nhằm xác định kết quả bán hàng cho từng mặt hàng

Việc xác định kết quả bán hàng cho từng mặt hàng là rất cần thiết và quan trọng, đặc biệt là đối với những DN sản xuất như công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường. Chính vì vậy, qua thời gian nghiên cứu tại đây, em nhận thấy DN nên thực hiện cách xác định kết quả bán hàng cho

từng mặt hàng để thấy rõ lãi lỗ của từng sản phẩm, qua đó có được chiến lược kinh doanh phù hợp với từng sản phẩm của DN.

Cách xác định kết quả bán hàng cho từng mặt hàng

$$\text{Kết quả bán hàng cho từng mặt hàng (i)} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng (i)} - \text{Chi phí QLKD phân bổ cho từng mặt hàng (i)}$$

Trong đó:

$$\text{Chi phí QLKD phân bổ cho từng mặt hàng (i)} = \frac{\text{Doanh thu thuần} * \text{Tổng chi phí QLKD phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng trong kỳ}}$$

Ta có thể xây dựng mẫu bảng sau để xác định:

Bảng 3.1:

STT	Tên sản phẩm	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Chi phí BH, QLDN phân bổ cho sản phẩm	Lãi (lỗ)
1					
2					
				
	Cộng				

Ở mỗi sổ chi tiết bán hàng, nên thêm các mục: Giá vốn, Doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp để thuận tiện hơn trong việc kiểm tra và tính toán. VD với biểu 2.6:

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.6: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường
Địa chỉ: Quảng Thanh, TN, HP

Mẫu số S17 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Sản phẩm: Thép thanh vằn D12

Tháng 11 Năm 2015

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	
11/11	HĐ0001842	11/11	Bán cho Công ty TNHH Thương mại xây dựng Đại Hiệp	131	3.500	20.500	71.750.000	0
16/11	HĐ0001856	16/11	Bán cho Cty Sơn Trường	112	2232	20.500	45.756.000	0
21/11	HĐ0001871	21/11	Bán cho công ty Ngọc Lâm	131	3122	20.500	64.001.000	0
						
			Cộng số phát sinh				337.500.000	
			Doanh thu thuần				337.500.000	
			Giá vốn				315.520.655	
			Lợi nhuận gộp				21.979.345	

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Để có được số liệu xây dựng trong bảng 3.1, kế toán cần dựa vào các sổ sách sau:

- Sổ chi tiết bán hàng.
- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.
- Sổ cái TK642.

Những sổ sách trên đều đã được DN xây dựng, tuy nhiên kế toán tại đơn vị vẫn chưa sử dụng số liệu trên sổ sách này để phân tích.

Từ kết quả khảo sát năm 2015, em xin đưa ra bảng tính toán như sau:

ST T	Tên sản phẩm	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Chi phí QLKD phân bổ cho sản phẩm	Lãi (lỗ)
1	Thép thanh vằn D12	1.964.000.000	1.794.715.510	158.309.796	10.974.694
2	Thép thanh vằn D18	852.000.000	781.452.812	68.676.144	1.871.044
3	Thép thanh vằn D14	601.329.000	553.587.120	48.470.606	(728.726)
4	Thép không gỉ	250.594.000	229.306.982	20.199.330	1.087.688
				
				
	Cộng	4.222.500.000	3.653.500.127	340.358.000	228.641.873

$$\begin{aligned}
 & \text{Chi phí QLKD} && \text{Doanh thu thuần Thép} & * & \text{Tổng chi phí QLKD} \\
 & \text{phân bổ cho Thép} & = & \text{thanh vằn D12} & & \text{phát sinh} \\
 & \text{thanh vằn D12} & & & & \\
 & & & & & \text{Tổng doanh thu bán hàng trong kỳ} \\
 & & & & & \\
 & & & 1.964.000.000 & * & 340.358.000 \\
 & = & & \text{-----} & & \\
 & & & & & 4.222.500.000 \\
 & = & & & & 158.309.796
 \end{aligned}$$

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

	Doanh thu bán hàng cho	*	Tổng chi phí QLKD
Chi phí QLKD	Thép thanh vằn D18		phát sinh
phân bổ cho Thép	= _____		
thanh vằn D18	Tổng doanh thu bán hàng trong kỳ		
	852.000.000	*	340.358.000
	= _____		
	4.222.500.000		
	= 68.676.144		

Nhận xét : Theo số liệu phân tích ở bảng trên ta thấy, mặt hàng thép thanh vằn D12 là sản phẩm mang lại lợi nhuận tốt nhất cho DN. Vì vậy DN cần có chiến lược kinh doanh để đẩy mạnh tiêu thụ loại mặt hàng này. Bên cạnh đó 2 sản phẩm thép thanh vằn D18 và thép không gỉ cũng đạt được mức lợi nhuận khá. Còn với sản phẩm thép thanh vằn D22 hiện tại kinh doanh đang bị lỗ cần có biện pháp tiết kiệm chi phí để đưa sản phẩm này về mức hòa vốn hoặc bước đầu mang lại lợi nhuận cho DN.

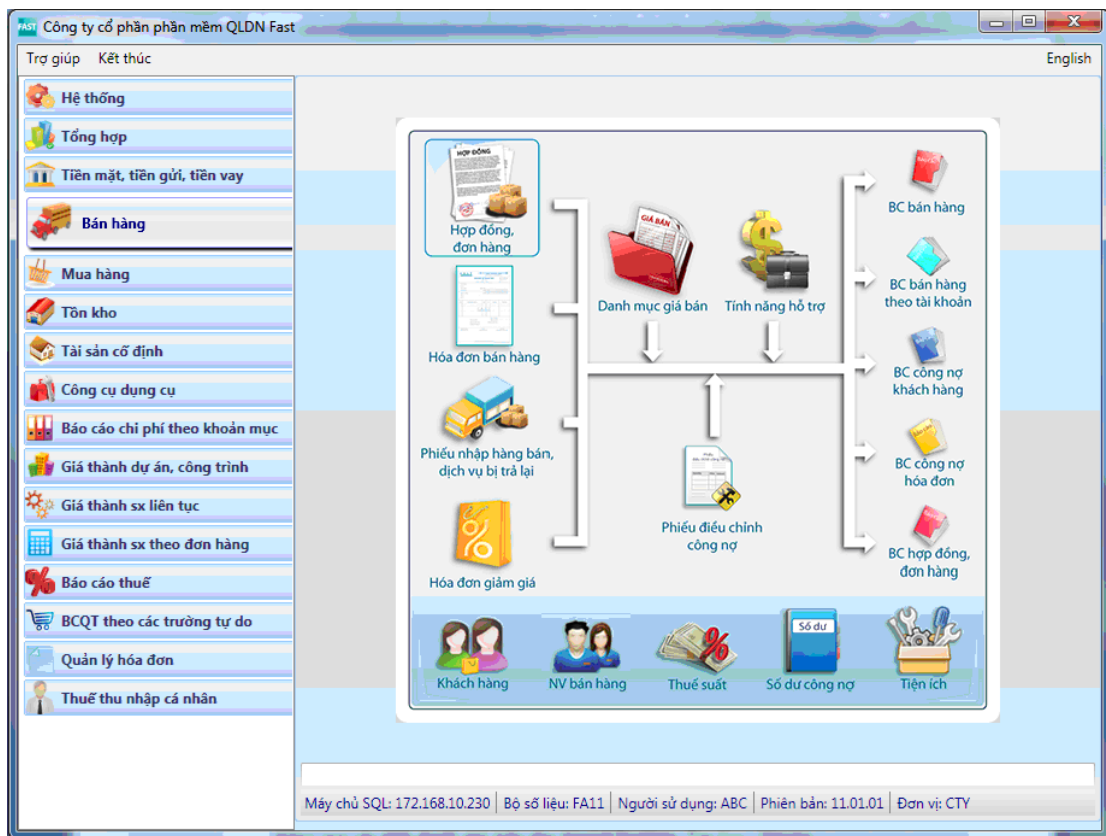
3.2.2. Công tác ghi chép sổ sách kế toán.

Hiện nay tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường chưa áp dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính. Đơn vị nên chọn mua phần mềm kế toán thích hợp để giảm thiểu công việc gây tổn hao về sức người và thời gian, mang lại hiệu quả cao trong công việc, dễ dàng trong chỉnh sửa khi có sai sót. Đơn vị có thể tham khảo lựa chọn trong rất nhiều phần mềm kế toán chuyên dụng đáp ứng yêu cầu hỗ trợ công tác kế toán đạt hiệu quả như mong muốn. Dưới đây là một số đề xuất các phần mềm kế toán tiện dụng và phù hợp với doanh nghiệp.

Hình ảnh 3.1: Phần mềm kế toán Misa



Hình ảnh 3.2: Phần mềm kế toán FAST



3.2.3. Đề xuất áp dụng các chính sách bán hàng

Để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên :

- Công ty có thể tham khảo chiết khấu thương mại của DN cùng ngành
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên HĐ GTGT hoặc HĐ Bán hàng lần cuối cùng

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

- Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Ví dụ: Ngày 16/11/2015, xuất bán hàng cho công ty Sơn Trường-- HĐ 0001856 với số tiền là 45.756.000 (giá chưa gồm thuế VAT 10%). Khách hàng thanh toán bằng TGNH. Khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn thì công ty có thể cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại là 5% trả bằng tiền mặt. Áp dụng vào hóa đơn bán hàng số HĐ0001856.

Kế toán định khoản như sau:

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 112: 50.331.600

Có TK 5111: 45.756.000

Có TK 3331: 4.575.600

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh:

Nợ TK 5211: 2.287.800

Nợ TK 3331: 228.780

Có TK 111: 2.516.580

Kết chuyển xác định chiết khấu thương mại:

Nợ TK 5111: 2.516.580

Có TK 521: 2.516.580

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Hóa đơn GTGT

Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai
thác và dịch vụ Anh Cường

Quảng Thanh – Thủy Nguyên - HP

Mẫu số:01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/ 15P

0001856

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 3: Nội bộ

Ngày 16/11/2015

Đơn vị bán hàng: công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ
Anh Cường

Mã số thuế: 0200570198

Địa chỉ: Quảng Thanh – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Điện thoại: 0313673057

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Công ty Sơn Trường

Địa chỉ: Huyện Kiến An - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép thanh vằn D12	Tấn	2232	20.500	45.756.000
	Cộng tiền hàng				45.756.000

Thuế GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: **4.575.600**

Tổng cộng tiền thanh toán:

50.331.600

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi triệu ba trăm ba một nghìn sáu trăm đồng

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và
dịch vụ Anh Cường)

Phiếu chi số 28

Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch

vụ Anh Cường

Quảng Thanh – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số 02-TT

QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Số: 28

Ngày 16 tháng 11 năm 2015

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Trường

Địa chỉ: Công ty Sơn Trường

Lý do chi: Chiết khấu cho công ty Sơn Trường

Số tiền: 2.516.580 đồng

Viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm mười sáu nghìn năm trăm tám mươi đồng

Kèm theo 1 chứng từ gốc.

Ngày 16 tháng 11 năm 2015

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nộp tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

*Phiếu hạch toán số 61/11***PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 61/11

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Chiết khấu cho công ty Sơn Trường	511	5211	2.516.580	
	Cộng			2.516.580	

Ngày 16 tháng 11 năm 2015

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

(Đơn vị tính: Đồng)

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
					
11/11	HĐ0001842	11/11	Doanh thu bán hàng hóa	131	78.925.000	
				511		71.750.000
				3331		7.175.000
			
16/11	HĐ0001856	16/11	Bán hàng thu CK	112	50.331.600	
				511		45.756.000
				3331		4.575.600
16/11	PC 28/11	16/11	Chiết khấu cho công ty Sơn Trường	5211	2.287.800	
				3331	228.789	
				111		2.516.580
			
21/11	HĐ0001873	21/11	Doanh thu bán hàng cho công ty Hùng Phát	131	165.000.000	
				511		150.000.000
				3331		15.000.000
25/11	GBC15/11	25/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng	112	113.520	
				515		113.520
31/12	PKT 151	31/12	Kết chuyển CKTM	511	2.287.800	
				5211		2.287.800
			Cộng chuyển trang sau		5.088.810.130	5.088.810.130

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Sổ cái TK 521

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Các khoản giảm trừ doanh thu

Số hiệu: 521

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
16/11	PC 28/11	16/11	Chiết khấu cho công ty Sơn Trường			111	2.287.800	
31/12	PKT 151	31/12	Kết chuyển chiết khấu thương mại			511		2.287.800
			Cộng phát sinh				2.287.800	2.287.800
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh khai thác và dịch vụ Anh Cường, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp đã thực hiện một cách khá hợp lý, đầy đủ và đúng theo các quy định chuẩn mực, chế độ kế toán ban hành của Bộ tài chính do Nhà nước quy định và đã cung cấp thông tin một cách đầy đủ cho bộ phận quản lý của công ty. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, Công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vận dụng các kiến thức đã được học trong nhà trường, tìm hiểu thực tế, nghiên cứu từ những bài làm của các anh chị khóa trước, khóa luận của em với đề tài: "Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh khai thác và dịch vụ Anh Cường " đã đề cập đến những vấn đề sau:

- Về mặt lý luận: Đã nêu được những vấn đề lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Về mặt thực tế: Khóa luận đã phản ánh tương đối đầy đủ, trung thực về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

- Về biện pháp hoàn thiện: Đã đối chiếu giữa lý luận và tình hình thực tế tại công ty để thấy được những điểm mạnh cần phát huy và một vài hạn chế cần khắc phục. Từ đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Việc đưa ra những biện pháp hoàn thiện cũng dựa trên những lý luận chặt chẽ và chế độ chính sách của Nhà nước cùng tình hình thực tế của công ty nên rất mong sẽ giúp ích được phần nào đó cho công ty nói chung và bộ máy kế toán nói riêng, đặc biệt là cho phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Do thời gian tham gia thực tế có hạn, cũng như trình độ và kinh nghiệm thực tế không nhiều, bài khóa luận của em không tránh khỏi không ít sai sót. Em rất mong nhận được sự đánh giá và góp ý của các thầy cô giúp cho bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn nữa. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ Nguyễn Thị Thúy Hồng và các anh chị kế toán tại Công ty Cổ phần sản xuất, kinh doanh, khai thác và dịch vụ Anh Cường đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng ngày 7 tháng 7 năm 2016
Sinh viên

Bùi Phương Thanh

- [1]. Bộ tài chính (2002), chuẩn mực kế toán, NXB Tài chính.
- [2]. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
- [3]. Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
- [4]. Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh khai thác và dịch vụ Anh Cường (2015), *Sổ sách kế toán Công ty*.